



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN  
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

# CẨM NANG HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI



NHÀ XUẤT BẢN  
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



NHÀ XUẤT BẢN  
THỐNG KÊ



**CẨM NANG HƯỚNG DẪN  
XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI**



BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**CẨM NANG HƯỚNG DẪN  
XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI**

NHÀ XUẤT BẢN  
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

NHÀ XUẤT BẢN  
THỐNG KÊ

Hà Nội - 2015

**Chỉ đạo nội dung**  
**NGUYỄN VĂN HIẾU**  
THỨ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**Nhóm biên soạn**  
**MAI NGỌC BÍCH**  
VỤ TRƯỞNG, PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC  
ĐẢNG ỦY

**NGUYỄN THANH DƯƠNG**  
VỤ TRƯỞNG VỤ KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

**BÙI THỊ THU HƯƠNG**  
PHÓ VỤ TRƯỞNG VỤ THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

**NGUYỄN XUÂN TÙNG**  
VỤ THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

**NGUYỄN NGỌC HIÊN**  
VĂN PHÒNG BỘ

**VƯƠNG THỊ XUÂN THỦY**  
VỤ KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”, nêu rõ quan điểm: “Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; trước hết, phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường vươn lên của nông dân. Xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hoà thuận, dân chủ, có đời sống văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân”.

Triển khai Nghị quyết trên, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16-4-2009 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới (đã được sửa đổi một số tiêu chí theo Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20-2-2013 về việc Sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới); Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Ngày 20-9-2011, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định

số 1620/QĐ-TTg về việc ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”.

Tuyên truyền xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong việc tổ chức thực hiện chương trình để mọi cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân hiểu về tầm quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; hiểu được nội dung, phương pháp, cách làm, nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc xây dựng nông thôn mới nhằm tạo ra phong trào thi đua sâu rộng, sôi nổi trong toàn quốc, giúp cho mỗi cá nhân chủ động hơn trong việc tham gia thực hiện Chương trình.

Với mục tiêu đó, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật phối hợp với Nhà xuất bản Thống kê xuất bản cuốn sách ***Cẩm nang hướng dẫn xây dựng nông thôn mới*** do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức biên soạn. Hy vọng cuốn sách đáp ứng được yêu cầu thông tin về Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

*Tháng 8 năm 2015*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT



## *Phần I*

# **NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

## **I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

### **1. Khái niệm nông thôn**

Nông thôn là phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn; được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là Ủy ban nhân dân xã.

### **2. Về xây dựng nông thôn mới**

Xây dựng nông thôn mới là cuộc cách mạng và là cuộc vận động lớn để cộng đồng dân cư ở nông thôn đồng lòng xây dựng thôn, xã, gia đình của mình khang trang, sạch đẹp; phát triển sản xuất toàn diện (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ); có nếp sống văn hóa, môi trường và an ninh nông thôn được bảo đảm; thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao.

Xây dựng nông thôn mới là sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị. Xây dựng nông thôn mới không chỉ là vấn đề kinh tế - xã hội, mà còn là vấn đề kinh tế - chính trị tổng hợp.

Xây dựng nông thôn mới giúp cho nông dân có niềm tin, trở nên tích cực, chăm chỉ, đoàn kết giúp đỡ nhau xây dựng nông thôn phát triển giàu đẹp, dân chủ, văn minh.

### **3. Lý do phải tiến hành xây dựng nông thôn mới**

Do kết cấu hạ tầng nông thôn (điện, đường, trường, trạm, chợ, thủy lợi...) còn nhiều yếu kém, vừa thiếu, vừa không đồng bộ; nhiều hạng mục công trình đã xuống cấp, tỷ lệ giao thông nông thôn được cứng hóa thấp; giao thông nội đồng ít được quan tâm đầu tư; hệ thống thủy lợi cần được đầu tư nâng cấp; chất lượng lưới điện nông thôn chưa thực sự an toàn; cơ sở vật chất về giáo dục, y tế, văn hóa còn rất hạn chế, mạng lưới chợ nông thôn chưa được đầu tư đồng bộ, trụ sở xã nhiều nơi xuống cấp. Mặt bằng để xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đạt chuẩn quốc gia rất khó khăn, dân cư phân bố rải rác, kinh tế hộ kém phát triển.

Do sản xuất nông nghiệp manh mún, nhỏ lẻ, bảo quản chế biến còn hạn chế, chưa gắn chế biến với thị trường tiêu thụ sản phẩm; chất lượng

nông sản chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp còn chậm, tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp còn thấp; cơ giới hóa chưa đồng bộ.

Do thu nhập của nông dân thấp; số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn ít; sự liên kết giữa người sản xuất và các thành phần kinh tế khác ở khu vực nông thôn chưa chặt chẽ. Kinh tế hộ, kinh tế trang trại, hợp tác xã còn nhiều yếu kém. Tỷ lệ lao động nông nghiệp còn cao, cơ hội có việc làm mới tại địa phương không nhiều, tỷ lệ lao động nông, lâm nghiệp qua đào tạo thấp; tỷ lệ hộ nghèo còn cao.

Do đời sống tinh thần của nhân dân còn hạn chế, nhiều nét văn hóa truyền thống đang có nguy cơ bị mai một (tiếng nói, phong tục, trang phục...); nhà ở dân cư nông thôn vẫn còn nhiều nhà tạm, dột nát. Hiện nay, kinh tế - xã hội khu vực nông thôn chủ yếu phát triển tự phát, chưa theo quy hoạch.

Do yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cần ba yếu tố chính: đất đai, vốn và lao động kỹ thuật. Qua việc xây dựng nông thôn mới sẽ triển khai quy hoạch tổng thể, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Mặt khác, đất nước ta đang nỗ lực phấn đấu thực hiện mục tiêu đến năm 2020 đưa nước ta cơ

bản trở thành nước công nghiệp. Vì vậy, một nước công nghiệp không thể để nông nghiệp, nông thôn lạc hậu, nông dân nghèo khó.

#### **4. Đặc trưng của nông thôn mới giai đoạn 2010-2020**

- Kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao.

- Nông thôn phát triển theo quy hoạch, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, môi trường sinh thái được bảo vệ.

- Dân trí được nâng cao, bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn và phát huy.

- An ninh tốt, quản lý dân chủ.

- Chất lượng hệ thống chính trị được nâng cao.

#### **5. Mục tiêu xây dựng nông thôn mới**

Xây dựng nông thôn mới nhằm đạt được những mục tiêu cơ bản như sau:

- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn; nâng cao dân trí, đào tạo nông dân có trình độ sản xuất cao, có nhận thức chính trị đúng đắn, đóng vai trò làm chủ nông thôn mới.

- Xây dựng nền nông nghiệp phát triển bền vững theo hướng hiện đại. Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất. Sản phẩm nông nghiệp có sức cạnh tranh cao.

- Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và hiện đại, nhất là đường giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, khu dân cư...; xây dựng xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, văn minh, giàu đẹp, bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; an ninh trật tự được giữ vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường, xây dựng giai cấp nông dân, củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức.

## **6. Nguyên tắc xây dựng nông thôn mới**

- Các nội dung, hoạt động của Chương trình xây dựng nông thôn mới phải hướng tới mục tiêu thực hiện 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới ban hành tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16-4-2009 và Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20-2-2013 về Sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới của Thủ tướng Chính phủ.

- Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư địa phương là chính, Nhà nước đóng vai trò định hướng, ban hành các tiêu chí, quy chuẩn, chính sách, cơ chế hỗ trợ, đào tạo cán bộ và hướng dẫn thực hiện. Các hoạt động cụ thể do chính cộng đồng người dân ở thôn, xã bàn bạc dân chủ để quyết định và tổ chức thực hiện.

- Kế thừa và lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn nông thôn.

- Thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới phải gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, có quy hoạch và cơ chế bảo đảm thực hiện các quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Công khai, minh bạch về quản lý, sử dụng các nguồn lực; tăng cường phân cấp, trao quyền cho cấp xã quản lý và tổ chức thực hiện các công trình, dự án của Chương trình xây dựng nông thôn mới; phát huy vai trò làm chủ của người dân và cộng đồng, thực hiện dân chủ ở cơ sở trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá.

- Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; cấp ủy đảng, chính quyền đóng vai trò chỉ đạo, điều hành quá trình xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch và tổ chức thực hiện. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội vận động mọi tầng lớp nhân dân phát huy vai trò chủ thể trong xây dựng nông thôn.

## II. ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

### 1. Sự cần thiết phải tuyên truyền, vận động

- Để mọi cán bộ và người dân hiểu về tầm quan

trọng của Chương trình xây dựng nông thôn mới: Đây là chương trình phát triển nông thôn toàn diện, bền vững với mục đích nâng cao nhanh cuộc sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn.

- Hiểu rõ chương trình xây dựng nông thôn mới không phải là dự án xây dựng cơ bản mà đây là một chương trình phát triển tổng hợp về kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội.

- Hiểu rõ vai trò của cộng đồng là chủ thể xây dựng nông thôn mới tại địa bàn, lấy nội lực là căn bản..., hiểu kỹ nội dung, phương pháp, cách làm và tự tin đứng lên làm chủ, tự giác tham gia và sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện.

## **2. Những nội dung cần phổ biến, tìm hiểu về xây dựng nông thôn mới**

- Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới (ban hành kèm theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16-4-2009 và Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20-2-2013 về Sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới của Thủ tướng Chính phủ).

- Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 5-1-2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Phát triển văn hóa nông thôn đến năm 2015, định hướng đến năm 2020”.

- Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ về “Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020”.

- Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19-12-2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (có hiệu lực thi hành từ ngày 10-2-2014).

- Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9-6-2015 của Chính phủ về “Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn” (có hiệu lực thi hành từ ngày 25-7-2015).

- Các văn bản có liên quan khác do Trung ương và địa phương ban hành.

### **3. Vai trò của các đoàn thể trong xây dựng nông thôn mới**

Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Trong đó, vai trò của các đoàn thể như Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ là rất lớn, thông qua các hoạt động tuyên truyền, vận động hội viên tham gia xây dựng nông thôn mới, bằng các hoạt động cụ thể như: vận động nông dân hiến đất và góp ngày công để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn mới; tham gia kiểm tra giám sát tình hình đầu tư kết cấu hạ tầng; tích cực tham gia phát triển sản xuất, phấn đấu nâng cao thu nhập của người dân ở khu vực nông thôn; vận động nông dân liên kết hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã để giúp đỡ, hỗ trợ nông dân đầu vào, đầu ra được thuận lợi; tích cực vận động nông dân áp dụng các kiến thức về



khoa học kỹ thuật để sản xuất ra các sản phẩm an toàn; đẩy mạnh hỗ trợ phát triển các ngành nghề; hỗ trợ vay vốn tín dụng để phát triển sản xuất, xây dựng các công trình hầm biogas, nhà vệ sinh...

#### **4. Phương pháp phổ biến, tuyên truyền**

a) Đảng ủy xã lập tổ công tác nghiên cứu và biên soạn tài liệu để giới thiệu các nội dung, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới.

b) Tổ chức họp và phổ biến tài liệu trên, thảo luận và lấy ý kiến tham gia của các đại biểu tại các hội nghị như:

- Hội nghị quân - dân - chính - đảng hoặc hội đồng nhân dân xã.

- Hội nghị chi bộ các thôn, xóm.

- Tổ chức các buổi phát thanh trong toàn xã (nhiều lần).

- Nơi có điều kiện có thể tổ chức giới thiệu cho hội nghị đại biểu nhân dân từng thôn, bản.

- Các đoàn thể họp giới thiệu cho hội viên của mình.

c) Đảng ủy phân công cho mỗi đảng ủy viên phụ trách một mảng công tác xây dựng nông thôn mới giao cho mỗi đoàn thể nhận thực hiện 1-2 nội dung trong Đề án xây dựng nông thôn mới của xã.

Các thôn tổ chức cho các hộ dân cam kết thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới tại gia

đình mình (nâng cao thu nhập trên đồng ruộng hoặc cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp - kinh doanh; cải tạo, chỉnh trang làm đẹp nơi ở; làm đủ các công trình vệ sinh; nâng cấp nhà ở, công trình phụ, khuôn viên, cải tạo ao vườn, tường rào, cổng ngõ để có cảnh quan đẹp, tham gia đóng góp đầy đủ theo quy ước...).

Mỗi đảng viên phải gương mẫu thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới tại hộ gia đình mình, đồng thời phải phụ trách giúp đỡ một nhóm hộ dân nơi cư trú hoặc cụm dân cư khác thực hiện.

## *Phần II*

# **NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

## **I. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới là một chương trình tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng, với mục tiêu toàn diện: xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn từng bước hiện đại; xây dựng cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xây dựng xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái; giữ vững an ninh - trật tự; tăng cường hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

## **1. Mục tiêu và nội dung cơ bản về xây dựng nông thôn mới**

Theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020:

### *a) Mục tiêu*

Đến năm 2015 cả nước có trên 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới và năm 2020 có trên 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

### *b) Nội dung*

Gồm 11 nhóm nội dung:

1. *Về quy hoạch xây dựng nông thôn mới:* Đến năm 2011, cơ bản phủ kín quy hoạch xây dựng nông thôn trên địa bàn cả nước, làm cơ sở để thực hiện mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

2. *Về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:* Tập trung đẩy mạnh phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu ở nông thôn theo chuẩn mới, gồm: giao thông; thủy lợi; điện; trường học; y tế; cơ sở vật chất, văn hóa; chợ nông thôn; bưu điện; nhà ở dân cư.

3. *Về chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập:* Đến năm 2015 có 20% số xã đạt chuẩn và đến năm 2020 có 50% số xã đạt chuẩn.

4. *Về giảm nghèo và an sinh xã hội:* Thực hiện

có hiệu quả các chương trình giảm nghèo và các chương trình an sinh xã hội.

5. *Về đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn:* Đến năm 2015 có 65% số xã đạt chuẩn và đến năm 2020 có 75% số xã đạt chuẩn.

6. *Về phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn:* Đến năm 2015 có 45% số xã đạt chuẩn và đến năm 2020 có 80% số xã đạt chuẩn.

7. *Về phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn:* Đến năm 2015 có 50% số xã đạt chuẩn và đến năm 2020 có 75% số xã đạt chuẩn.

8. *Về xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn:* Đến năm 2015 có 30% số xã có nhà văn hóa xã, thôn và 45% số xã có bưu điện và điểm internet đạt chuẩn; đến năm 2020 có 75% số xã có nhà văn hóa xã, thôn và 70% có điểm bưu điện và điểm internet đạt chuẩn.

9. *Về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:* Đến năm 2015 có 35% số xã đạt chuẩn và đến năm 2020 có 80% số xã đạt chuẩn.

10. *Về nâng cao chất lượng tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn:* Đến năm 2015 có 85% số xã đạt chuẩn và đến năm 2020 có 95% số xã đạt chuẩn.

11. *Về giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn:* Đến năm 2015 có 85% số xã đạt chuẩn và đến năm 2020 có 95% số xã đạt chuẩn.

## **2. Mục tiêu và nội dung chi tiết về xây dựng nông thôn mới**

### *a) Quy hoạch xây dựng nông thôn mới*

- *Mục tiêu:* Đạt yêu cầu tiêu chí số 1 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Đến năm 2011, cơ bản phủ kín quy hoạch xây dựng nông thôn trên địa bàn cả nước làm cơ sở đầu tư xây dựng nông thôn mới, làm cơ sở để thực hiện mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

### *- Nội dung:*

1. Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

2. Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã.

### *- Phân công trách nhiệm quản lý, thực hiện:*

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện nội dung 1.

+ Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện nội dung 2.

+ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã rà soát, bổ sung và hoàn chỉnh hai loại quy hoạch trên; đồng thời chỉ đạo thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân xã tổ chức lập quy hoạch,

lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện các quy hoạch đã được duyệt.

*b) Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội*

- *Mục tiêu:* Đạt yêu cầu các tiêu chí số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- *Nội dung:*

1. Hoàn thiện đường giao thông đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã và hệ thống giao thông trên địa bàn xã. Đến năm 2015 có 35% số xã đạt chuẩn (các trục đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa) và đến năm 2020 có 70% số xã đạt chuẩn (các trục đường thôn, xóm cơ bản cứng hóa).

2. Hoàn thiện hệ thống các công trình bảo đảm cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã. Đến năm 2015 có 85% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới và đến năm 2020 là 95% số xã đạt chuẩn.

3. Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn xã. Đến năm 2015 có 30% số xã có nhà văn hóa xã, thôn đạt chuẩn, đến năm 2020 có 75% số xã đạt chuẩn.

4. Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về y tế trên địa bàn xã. Đến năm 2015 có 50% số xã đạt chuẩn và đến năm 2020 có 75% số xã đạt chuẩn.

5. Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn xã. Đến năm 2015 có 45% số xã đạt tiêu chí và đến năm 2020 có 75% số xã đạt chuẩn.

6. Hoàn chỉnh trụ sở xã và các công trình phụ trợ. Đến năm 2015 có 65% số xã đạt tiêu chí và đến năm 2020 có 85% số xã đạt chuẩn.

7. Cải tạo, xây mới hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã. Đến năm 2015 có 45% số xã đạt chuẩn (có 50% kênh cấp 3 trở lên được kiên cố hóa). Đến năm 2020 có 77% số xã đạt chuẩn (cơ bản cứng hóa hệ thống kênh mương nội đồng theo quy hoạch).

- *Phân công trách nhiệm quản lý, thực hiện:*

+ Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện nội dung 1: “Hoàn thiện đường giao thông đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã và hệ thống giao thông trên địa bàn xã”.

+ Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện nội dung 2: “Hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã”.

+ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện nội dung 3: “Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn xã”.

+ Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện nội dung 4:



“Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về y tế trên địa bàn xã”.

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện nội dung 5: “Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn xã”.

+ Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện nội dung 6: “Hoàn chỉnh trụ sở xã và các công trình phụ trợ”.

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện nội dung 7: “Cải tạo, xây mới hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã”.

+ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng đề án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án và tổ chức thực hiện.

*c) Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập của người dân khu vực nông thôn mới*

- *Mục tiêu:* Đạt yêu cầu tiêu chí số 10, 12 trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Đến năm 2015 có 20% số xã đạt, đến 2020 có 50% số xã đạt.

- *Nội dung:*

1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao.

2. Tăng cường công tác khuyến nông; đẩy

nhanh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp.

3. Cơ giới hóa nông nghiệp, giảm tổn thất sau thu hoạch trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

4. Bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống theo phương châm “mỗi làng một sản phẩm”, phát triển ngành nghề theo thế mạnh của địa phương.

5. Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thúc đẩy đưa công nghiệp vào nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn.

- *Phân công trách nhiệm quản lý, thực hiện:*

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện các nội dung 1, 2, 3, 4.

+ Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện nội dung 5.

+ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng đề án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án và tổ chức thực hiện.

*d) Giảm nghèo và an sinh xã hội*

- *Mục tiêu:* Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- *Nội dung:*

1. Thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững cho 62 huyện có tỷ lệ hộ

nghèo cao (Nghị quyết 30a của Chính phủ)<sup>1</sup> theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

2. Tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo.

3. Thực hiện các chương trình an sinh xã hội

- *Phân công trách nhiệm quản lý, thực hiện:*

+ Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện các nội dung trên.

+ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng đề án theo các nội dung có liên quan nêu trên; đồng thời chỉ đạo thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án và tổ chức thực hiện.

*đ) Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn*

- *Mục tiêu:* Đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Đến năm 2015 có 65% số xã đạt chuẩn và đến năm 2020 có 75% số xã đạt chuẩn.

- *Nội dung:*

1. Phát triển kinh tế hộ, trang trại, hợp tác xã.

---

1. Nghị quyết số 30a/NQ-CP ngày 27-12-2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện. Sau khi có Nghị quyết số 30a/NQ-CP, huyện nghèo Than Uyên được tách thành hai huyện là Than Uyên và Tân Uyên nên từ 61 nâng lên thành 62 huyện nghèo.

2. Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn.

3. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết kinh tế giữa các loại hình kinh tế ở nông thôn.

- *Phân công trách nhiệm quản lý, thực hiện:*

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung 1, 3.

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện nội dung 2.

+ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng đề án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án theo nội dung 1, lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

*e) Phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn*

- *Mục tiêu:* Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 và 14 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Đến năm 2015 có 45% số xã đạt chuẩn và đến năm 2020 có 80% số xã đạt chuẩn.

- *Nội dung:* Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- *Phân công trách nhiệm quản lý, thực hiện:*

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, hướng dẫn thực hiện đề án.

+ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng đề án; đồng thời chỉ đạo thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án và tổ chức thực hiện.

*g) Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn*

- *Mục tiêu:* Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Đến năm 2015 có 50% số xã đạt chuẩn và đến năm 2020 có 75% số xã đạt chuẩn.

- *Nội dung:* Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong lĩnh vực về y tế, đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- *Phân công quản lý, thực hiện:*

+ Bộ Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện đề án.

+ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng đề án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án và tổ chức thực hiện.

*h) Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn*

- *Mục tiêu:* Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 và 16 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Đến năm 2015 có 30% số xã có nhà văn hóa xã, thôn và 45%

số xã có bưu điện và điểm internet đạt chuẩn. Đến năm 2020 có 75% số xã có nhà văn hóa xã, thôn và 70% có điểm bưu điện và điểm internet đạt chuẩn.

- *Nội dung:*

1. Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

2. Thực hiện thông tin và truyền thông nông thôn, đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- *Phân công quản lý, thực hiện:*

+ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 1.

+ Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 2.

+ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng đề án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án, lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư và tổ chức thực hiện.

*i) Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn*

- *Mục tiêu:* Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; bảo đảm cung cấp đủ nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh cho dân cư, trường học, trạm y tế, công sở và các khu dịch vụ công cộng; thực hiện các yêu cầu về bảo vệ và

cải thiện môi trường sinh thái trên địa bàn xã. Đến năm 2015 có 35% số xã đạt chuẩn và đến năm 2020 có 80% số xã đạt chuẩn.

- *Nội dung:*

1. Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

2. Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, thôn theo quy hoạch, gồm: xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước trong thôn, xóm; xây dựng các điểm thu gom, xử lý rác thải ở các xã; chỉnh trang, cải tạo nghĩa trang; cải tạo, xây dựng các ao, hồ sinh thái trong khu dân cư, phát triển cây xanh ở các công trình công cộng...

- *Phân công quản lý, thực hiện:*

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, hướng dẫn thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng dự án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân các xã xây dựng dự án, lấy kiến tham gia của cộng đồng dân cư và tổ chức thực hiện.

*k) Nâng cao chất lượng tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn*

- *Mục tiêu:* Đạt yêu cầu tiêu chí số 18 trong Bộ

tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Đến năm 2015 có 85% số xã đạt chuẩn và đến năm 2020 có 95% số xã đạt chuẩn.

- *Nội dung:*

1. Tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

2. Ban hành chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn để nhanh chóng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ ở các vùng này.

3. Bổ sung chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

- *Phân công quản lý, thực hiện:*

+ Bộ Nội vụ chủ trì, hướng dẫn thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng đề án theo các nội dung có liên quan; đồng thời chỉ đạo, triển khai thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án theo nội dung 1, 3 và tổ chức thực hiện.

*l) Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn*

- *Mục tiêu:* Đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Đến năm 2015



có 85% số xã đạt chuẩn và đến năm 2020 có 95% số xã đạt chuẩn.

- *Nội dung:*

1. Ban hành nội quy, quy ước làng xóm về trật tự, an ninh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu.

2. Điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách tạo điều kiện cho lực lượng an ninh xã, thôn, xóm hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn theo yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

- *Phân công quản lý, thực hiện:*

+ Bộ Công an chủ trì, hướng dẫn thực hiện đề án.

+ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hướng dẫn các xã xây dựng đề án và tổ chức thực hiện.

## II. TIÊU CHÍ VÀ TIÊU CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

### 1. Các tiêu chí về xây dựng “xã nông thôn mới”

Ngày 16-4-2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 491/QĐ-TTg về Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới và ngày 20-2-2013 ban hành Quyết định số 342/QĐ-TTg về Sửa

đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, trong đó bao gồm 5 nhóm nội dung và 19 tiêu chí.

*a) Tiêu chí của 5 nhóm nội dung*

- *Nhóm 1 - Quy hoạch:* Tiêu chí 1. Quy hoạch và thực hiện quy hoạch: quy hoạch sử dụng đất, hạ tầng kinh tế - xã hội và quy hoạch các khu dân cư.

- *Nhóm 2 - Hạ tầng kinh tế - xã hội,* gồm các tiêu chí: 2. Giao thông; 3. Thủy lợi; 4. Điện; 5. Trường học; 6. Cơ sở vật chất văn hóa; 7. Chợ nông thôn; 8. Bưu điện; 9. Nhà ở dân cư.

- *Nhóm 3 - Kinh tế và tổ chức sản xuất,* gồm các tiêu chí: 10. Thu nhập; 11. Hộ nghèo; 12. Cơ cấu lao động; 13. Hình thức tổ chức sản xuất.

- *Nhóm 4 - Văn hóa - xã hội - môi trường,* gồm các tiêu chí: 14. Giáo dục; 15. Y tế; 16. Văn hóa; 17. Môi trường.

- *Nhóm 5 - Hệ thống chính trị,* gồm các tiêu chí: 18. Hệ thống tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh; và 19. An ninh, trật tự xã hội. Trong từng tiêu chí có các chỉ tiêu cụ thể cho từng vùng, miền, từng ngành, lĩnh vực.

*b) Tiêu chuẩn của 19 tiêu chí*

*1. Quy hoạch và thực hiện quy hoạch (đạt 3 yêu cầu sau)*

- Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ.

- Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, môi trường theo chuẩn mới.

- Quy hoạch phát triển các khu dân cư và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp.

## *2. Giao thông (đạt 4 yêu cầu sau)*

- Tỷ lệ kilômét đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đạt 100%.

- Tỷ lệ kilômét đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đạt 70%.

- Tỷ lệ kilômét đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%.

- Tỷ lệ kilômét đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện đạt 65%.

## *3. Thủy lợi (đạt 2 yêu cầu sau)*

- Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh.

- Tỷ lệ kilômét kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa đạt 65%.

## *4. Điện (đạt 2 yêu cầu sau)*

- Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 98%.

## *5. Trường học (đạt yêu cầu sau)*

Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo,

tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia (80%).

*6. Cơ sở vật chất văn hóa (đạt 2 yêu cầu sau)*

- Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đạt 100%.

*7. Chợ nông thôn (đạt yêu cầu sau)*

Chợ theo quy hoạch, đạt chuẩn theo quy định.

*8. Bưu điện (đạt 2 yêu cầu sau)*

- Có điểm phục vụ bưu chính - viễn thông.

- Có internet đến thôn.

*9. Nhà ở dân cư (đạt 2 yêu cầu sau)*

- Không còn nhà tạm, dột nát.

- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng đạt 90%.

*10. Thu nhập (đạt 2 yêu cầu sau)*

- Đến năm 2015, thu nhập bình quân đầu người đạt 26 triệu đồng/người/năm.

- Đến năm 2020, thu nhập bình quân đầu người đạt 44 triệu đồng/người/năm.

*11. Hộ nghèo (đạt yêu cầu sau)*

Tỷ lệ hộ nghèo dưới 6%.

*12. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên (đạt yêu cầu sau)*

Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động đạt trên 90%.

*13. Hình thức tổ chức sản xuất (đạt yêu cầu sau)*

Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.

*14. Giáo dục (đạt 3 yêu cầu sau)*

- Đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt 85%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 35%.

*15. Y tế (đạt 2 yêu cầu sau)*

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 30%.
- Y tế xã đạt chuẩn quốc gia.

*16. Văn hóa*

Xã có 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*17. Môi trường (đạt 5 yêu cầu sau)*

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia đạt 85%.

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường.

- Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch.

- Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định.

*18. Hệ thống tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh (đạt 4 yêu cầu sau)*

- Cán bộ xã đạt chuẩn.
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.
- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.
- Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.

*19. An ninh, trật tự xã hội (đạt yêu cầu sau)*

An ninh trật tự xã hội được giữ vững.

## **2. Các tiêu chí cần ưu tiên thực hiện trước trong xây dựng nông thôn mới**

a) Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp, hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025; quy hoạch hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới; quy hoạch các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp.

b) Đào tạo cán bộ, đào tạo lao động có đủ trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ để có những con người thực hiện các nhiệm vụ trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

c) Hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, gồm điện, đường, trường, trạm, chợ.

Đây là nhóm các tiêu chí cần phải ưu tiên thực

hiện, làm nền tảng cho việc định hướng phát triển ổn định hạ tầng kinh tế - xã hội và phát triển kinh tế của địa phương.

### **3. Những việc cần thực hiện trong xây dựng nông thôn mới**

- Thành lập Ban chỉ đạo và Ban quản lý Chương trình nông thôn mới cấp xã. Tổ chức tuyên truyền, học tập, nghiên cứu các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới. Khảo sát đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí. Lập đề án (kế hoạch) xây dựng nông thôn mới của xã (gồm kế hoạch tổng thể đến năm 2020, kế hoạch 5 năm 2011-2015 và kế hoạch từng năm cho giai đoạn 2010-2015). Xây dựng quy hoạch nông thôn mới của xã. Tổ chức thực hiện đề án (kế hoạch). Giám sát, đánh giá và báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện dự án.

- Tuyên truyền, vận động, lập quy hoạch, lập đề án, kế hoạch xây dựng nông thôn mới thiết thực, hiệu quả.

- Chỉnh trang khu dân cư, nhà ở, khuôn viên, vườn ao, tường rào... để có cảnh quan đẹp, đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn.

- Huy động nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống.

- Phát triển sản xuất, có nhiều mô hình sản xuất đạt hiệu quả cao, nâng cao thu nhập trên diện tích đất canh tác.

- Từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa và bảo đảm an ninh nông thôn.

#### **4. Trình tự các bước trong xây dựng nông thôn mới**

Trình tự xây dựng nông thôn mới gồm 7 bước như sau:

- *Bước 1:* Thành lập hệ thống quản lý, thực hiện.
- *Bước 2:* Tổ chức thông tin, tuyên truyền về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới (được thực hiện trong suốt quá trình triển khai thực hiện).
- *Bước 3:* Khảo sát, đánh giá thực trạng nông thôn theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.
- *Bước 4:* Xây dựng quy hoạch nông thôn mới của xã.
- *Bước 5:* Lập, phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới của xã.
- *Bước 6:* Tổ chức thực hiện đề án.
- *Bước 7:* Giám sát, đánh giá và báo cáo về tình hình thực hiện Chương trình.

### **III. MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VỀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

#### **1. Cơ chế quản lý các nguồn vốn trong xây dựng nông thôn mới**

*a) Nguồn vốn để xây dựng nông thôn mới*

Theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-



BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13-4-2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 và Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 2-12-2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13-4-2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, vốn đầu tư cho xây dựng nông thôn mới được huy động từ 5 nguồn chính:

1. Đóng góp của cộng đồng (bao gồm cả đóng góp và tài trợ của các tổ chức, cá nhân).
2. Vốn đầu tư của doanh nghiệp.
3. Vốn tín dụng (bao gồm cả đầu tư phát triển và thương mại).
4. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (bao gồm cả trái phiếu Chính phủ).
5. Vốn tài trợ khác.

- *Nguồn đóng góp của cộng đồng:*

+ Công sức, tiền của đầu tư cải tạo nhà ở, xây mới và nâng cấp các công trình vệ sinh phù hợp với chuẩn mới; cải tạo ao, vườn để có cảnh quan đẹp và có thu nhập; cải tạo cổng, ngõ, tường rào phong quang, đẹp đẽ...

+ Đầu tư cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của hộ gia đình để tăng thu nhập.

+ Đóng góp xây dựng công trình công cộng của làng, xã bằng công lao động, tiền mặt, vật liệu, máy móc thiết bị, hiến đất... (Nếu đóng góp bằng tiền thì cần được cộng đồng bàn bạc quyết định, Hội đồng nhân dân xã thông qua).

+ Đóng góp tự nguyện và tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.

- *Vốn đầu tư của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ tư nhân:*

+ Đầu tư xây dựng các công trình công cộng có thu phí để thu hồi vốn, như chợ, công trình cấp nước sạch cho cụm dân cư, điện, thu dọn và chôn lấp rác thải, cầu nhỏ, bến đò, bến phà...

+ Đầu tư kinh doanh các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản, thực phẩm, cung cấp dịch vụ, ví dụ như kho hàng, khu trồng rau, hoa công nghệ cao, trang trại chăn nuôi tập trung, xưởng sấy nông sản, nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi, trại cung cấp giống...

+ Đầu tư trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tổ chức đào tạo và hướng dẫn nông dân tiếp cận kỹ thuật tiên tiến và tổ chức sản xuất những giống cây, vật nuôi, dịch vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ khuyến nông, khuyến công...

- *Vốn tín dụng:*

+ Vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước được trung ương phân bổ cho các tỉnh, thành phố theo chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn và theo danh mục quy định tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30-8-2011 của Chính phủ và Nghị định số 54/2013/NĐ-CP ngày 22-5-2013 của Chính phủ về bổ sung Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30-8-2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế (nếu có).

+ Vốn tín dụng thương mại theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9-6-2015 của Chính phủ Về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn và Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22-7-2015 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

- *Vốn ngân sách (bao gồm vốn Trung ương, tỉnh, huyện, xã):*

+ Vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu đang triển

khai và sẽ tiếp tục triển khai trong những năm tiếp theo trên địa bàn.

+ Vốn bố trí trực tiếp cho Chương trình để thực hiện các nội dung theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ.

*b) Cơ chế huy động*

- Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn, bao gồm: các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu đang triển khai trên địa bàn nông thôn và tiếp tục triển khai trong những năm tiếp theo và vốn ngân sách hỗ trợ trực tiếp của Chương trình xây dựng nông thôn mới - bao gồm cả trái phiếu Chính phủ (nếu có).

- Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (tỉnh, huyện, xã) để tổ chức triển khai Chương trình. Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tăng tỷ lệ vốn thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn xã (sau khi trừ đi chi phí) để lại cho ngân sách xã, ít nhất 70% thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới, nhưng không vượt quá tổng mức vốn đầu tư theo đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; doanh nghiệp được vay vốn tín dụng đầu tư

phát triển của Nhà nước hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau đầu tư và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã cho từng dự án cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua.

- Các khoản viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư.

- Các nguồn vốn tín dụng được Trung ương phân bổ cho các tỉnh, thành phố theo chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn; vốn tín dụng danh mục quy định tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30-8-2011 và Nghị định số 54/2013/NĐ-CP ngày 22-5-2013 của Chính phủ; vốn tín dụng thương mại theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9-6-2015 của Chính phủ Về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn và Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22-7-2015 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

- Huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác.

#### *c) Cơ chế quản lý*

Việc quản lý các nguồn vốn được thực hiện như sau:

- Các đối tượng mà ngân sách nhà nước hỗ trợ chiếm từ 50% vốn trở lên thì thực hiện theo Thông tư số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13-4-2011.

- Đối với các đối tượng mà ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn chiếm dưới 50% vốn thì cơ chế quản lý do Ban quản lý xã thống nhất với nhà tài trợ (nếu có) quyết định cơ chế quản lý; trường hợp Ban quản lý xã và nhà tài trợ (nếu có) thống nhất thực hiện cơ chế riêng không theo cơ chế quản lý của Thông tư này (Thông tư số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC) thì chỉ quyết toán phần ngân sách nhà nước đã hỗ trợ. Đối với đối tượng sử dụng vốn ODA thì thực hiện theo Hiệp định ký kết với đối tác cấp ODA.

- Nguyên tắc lồng ghép:

+ Tất cả các công trình, dự án được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước triển khai trên địa bàn xã phải phù hợp với Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

+ Lồng ghép các nguồn vốn trên địa bàn để thực hiện một hoặc nhiều chương trình, dự án, chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi.

+ Việc lồng ghép các nguồn vốn được thực hiện từ khâu lập, phân bổ, giao dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả.

+ Trong quá trình thực hiện lồng ghép các nguồn vốn phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi mục tiêu, tổng mức vốn đầu tư phát triển, tổng mức kinh phí sự nghiệp được giao.

*d) Phân bổ và sử dụng nguồn vốn đầu tư*

*- Phân bổ nguồn vốn các dự án, chính sách:*

+ Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý vốn ngân sách thực hiện theo Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

+ Nguyên tắc phân bổ:

- Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ các tỉnh được căn cứ vào khả năng của ngân sách trung ương và phân bổ theo định mức số xã, mức độ khó khăn của các tỉnh và ưu tiên các địa phương làm tốt. Căn cứ mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, các tỉnh phân bổ cho từng xã theo mức độ hoàn thành Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới, không bình quân chia đều.

- Đối với các địa phương ngân sách trung ương không hỗ trợ hoặc hỗ trợ một phần, phải bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương hàng năm và cả giai đoạn để thực hiện đề án theo tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*- Sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương:*

+ Nguồn vốn ngân sách trung ương chỉ được sử dụng chi hỗ trợ cho đối tượng (dự án) theo quy định tại Điểm 3, Mục VI của Quyết định số 800/QĐ-TTg và hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 26/2011/

TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC và Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC.

+ Nguồn vốn sự nghiệp: Ưu tiên hỗ trợ thực hiện công tác quy hoạch; xây dựng đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã; tuyên truyền; hoạt động của Ban chỉ đạo các cấp; đào tạo kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ xã, cán bộ thôn, cán bộ hợp tác xã; phát triển sản xuất và dịch vụ.

+ Nguồn vốn đầu tư phát triển: Huy động, lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn để tập trung thực hiện các công trình: đường giao thông đến trung tâm xã; xây dựng trụ sở xã; xây dựng trường học đạt chuẩn; xây dựng trạm y tế xã; xây dựng nhà văn hóa xã; công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư; đường giao thông thôn; giao thông nội đồng và kênh mương nội đồng; phát triển sản xuất và dịch vụ; nhà văn hóa thôn; công trình thể thao thôn; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản.

+ Đối với vật liệu xây dựng, giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa khác mua của dân để sử dụng vào các dự án của Chương trình xây dựng nông thôn mới thì giá cả phải phù hợp mặt bằng chung của thị trường trên địa bàn cùng thời điểm; chứng từ để thanh toán là giấy biên nhận mua bán với các hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn nơi bán, được Ủy ban nhân dân xã xác nhận.



+ Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo chương trình các cấp ở địa phương được trích 1,0% nguồn ngân sách hỗ trợ trực tiếp cho chương trình để hỗ trợ chi cho: hoạt động kiểm tra, giám sát, tổ chức họp triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện chương trình, công tác phí cho cán bộ đi dự các hội nghị, tập huấn của trung ương, tỉnh, huyện và trang thiết bị văn phòng cho các hoạt động của Ban chỉ đạo. Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ cụ thể kinh phí cho Ban chỉ đạo các cấp ở địa phương. Căn cứ vào tình hình cụ thể và khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh có thể hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho cơ quan chỉ đạo chương trình từ nguồn ngân sách địa phương.

+ Nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới từ ngân sách đều phải quản lý và thanh toán tập trung, thống nhất qua Kho bạc Nhà nước. Đối với các nguồn đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động hoặc công trình hoàn thành, căn cứ đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động, cơ quan tài chính quy đổi ra đồng Việt Nam để làm lệnh thu ngân sách, đồng thời làm lệnh chi ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để hạch toán vào giá trị công trình, dự án và tổng hợp vào thu, chi ngân sách nhà nước.

+ Căn cứ dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương được cấp có thẩm quyền giao cho các tỉnh thuộc phạm vi

chương trình; Bộ trưởng Bộ Tài chính chuyển vốn cho các địa phương theo quy định hiện hành.

- Về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư:

+ Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án (công trình) do Ủy ban nhân dân xã làm chủ đầu tư: Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24-2-2012 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

+ Quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư của Ban quản lý xã: Thực hiện theo Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11-5-2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế đặc thù về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa” và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

+ Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án (công trình) khác thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính.

## **2. Cơ chế đầu tư**

a) Theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020

- Chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã là Ban quản lý xây

dựng nông thôn mới xã do Ủy ban nhân dân xã quyết định. Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ban quản lý xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư thì Ủy ban nhân dân huyện giao cho một đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của Ủy ban nhân dân xã.

- Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các xã, thôn, bản có thời gian thực hiện dưới 2 năm hoặc giá trị công trình đến 3 tỷ đồng, chỉ cần lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, trong đó phải nêu rõ tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô kỹ thuật công trình, thời gian thi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn đầu tư và cơ chế huy động nguồn vốn kèm theo thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán.

Đối với các công trình có giá trị trên 3 tỷ đồng hoặc công trình có yêu cầu kỹ thuật cao thì việc lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán phải do đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân thực hiện. Việc lựa chọn tư vấn phải theo quy định hiện hành.

Trong quá trình chuẩn bị đầu tư cần tiến hành lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư về báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán các công trình cơ sở hạ tầng.

- Ủy ban nhân dân huyện là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật các

công trình có mức vốn đầu tư trên 3 tỷ đồng có nguồn gốc từ ngân sách và các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao.

- Ủy ban nhân dân xã là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật các công trình có mức vốn đầu tư đến 3 tỷ đồng có nguồn gốc từ ngân sách.

- Lựa chọn nhà thầu: thực hiện theo ba hình thức:

+ Giao các cộng đồng dân cư thôn, bản, ấp (những người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình) tự thực hiện xây dựng.

+ Lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng.

+ Lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu (theo quy định hiện hành).

Khuyến khích thực hiện hình thức giao cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp từ công trình tự thực hiện xây dựng.

*b) Theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21-3-2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*

Bổ sung cơ chế đầu tư quy định tại Điểm 4, Mục VI, Điều 1 của Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 như sau:

“Đối với các công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật

đơn giản: Các địa phương được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù theo hướng không phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, trên cơ sở thiết kế mẫu, thiết kế điển hình chỉ cần lập dự toán đơn giản và chỉ định cho người dân và cộng đồng trong xã tự làm. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định danh mục công trình được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù nêu trên”.

### **3. Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, tổ chức thi công, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình quy mô vốn đầu tư dưới 3 tỷ đồng**

Quy trình thẩm định, phê duyệt dự toán tổ chức thi công, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình quy mô vốn dưới 3 tỷ đồng được thực hiện theo Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 7-8-2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21-3-2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

#### ***a) Đối tượng áp dụng***

Công trình quy mô vốn đầu tư dưới 3 tỷ đồng, có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, kỹ thuật đơn giản và áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, công trình nằm trên địa bàn thôn, bản, ấp (gọi chung là thôn), giao cộng đồng hưởng lợi tự thực hiện thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

*b) Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán đầu tư công trình*

*- Lập dự toán đầu tư công trình (sau đây gọi tắt là dự toán):*

+ Trình tự lập dự toán:

- Căn cứ danh mục công trình được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, kế hoạch triển khai hỗ trợ đầu tư của địa phương và hướng dẫn khác của cơ quan cấp trên, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã (gọi tắt là Ban quản lý xã) thông báo, phổ biến đến thôn và cộng đồng dân cư về cơ chế đầu tư đặc thù.

- Ban quản lý xã cử cán bộ chuyên môn phối hợp với thôn, Ban phát triển thôn tiến hành lập dự toán đầu tư công trình. Sau khi lập dự toán, thôn và Ban phát triển thôn tổ chức họp dân, lấy ý kiến của người dân trong thôn, thống nhất về các nội dung của dự toán và các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân.

- Ban phát triển thôn hoàn chỉnh dự toán theo các ý kiến đã thống nhất tại cuộc họp thôn trình Ủy ban nhân dân xã (kèm biên bản họp thôn) tổ chức thẩm định và phê duyệt.

+ Nội dung dự toán:

- Tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, chủ đầu tư, quy mô công trình, tiêu chuẩn kỹ thuật theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, thời gian thực hiện và nội dung khác (nếu có).

- Giá trị dự toán, trong đó gồm kinh phí nhà nước hỗ trợ, đóng góp của nhân dân, huy động khác (nếu có), hình thức đóng góp; nguồn vốn đầu tư công trình và quy định thanh quyết toán.

- Bản vẽ thi công công trình (nếu có) theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Khả năng tự thực hiện của nhân dân, cộng đồng hưởng lợi.

- *Thẩm định dự toán:*

- + Sau khi hoàn thành dự toán, thôn báo cáo Ban quản lý xã và trình Ủy ban nhân dân xã thẩm định.

- + Hồ sơ trình thẩm định gồm: Dự toán, biên bản các cuộc họp thôn và các văn bản pháp lý liên quan đến xây dựng công trình (nếu có).

- + Tổ thẩm định: Ủy ban nhân dân xã thành lập Tổ thẩm định, thành phần gồm: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã làm Tổ trưởng, đại diện Ban giám sát đầu tư của cộng đồng xã (sau đây gọi là Ban giám sát cộng đồng xã), tài chính - kế toán xã, chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn do cộng đồng bình chọn.

- + Nội dung thẩm định: Tính khả thi về kỹ thuật; mặt bằng thi công; khả năng huy động vốn (Nhà nước, đóng góp của nhân dân, các nguồn lực khác); sự phù hợp của công trình với quy hoạch của địa phương; tính hợp lý của các chi phí so với

mặt bằng giá của địa phương, với các công trình tương tự đã và đang thực hiện; khả năng tự thực hiện của nhân dân và cộng đồng được giao thi công công trình.

+ Tổ thẩm định phải báo cáo kết quả thẩm định bằng văn bản với Ủy ban nhân dân xã, đồng thời gửi cho Ban phát triển thôn.

Trường hợp ý kiến thẩm định chưa thống nhất với dự thảo dự toán, phải ghi nội dung chưa thống nhất trong báo cáo kết quả thẩm định để thôn điều chỉnh, bổ sung.

+ Thời gian thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định: Không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Phê duyệt dự toán:*

Ủy ban nhân dân xã phê duyệt dự toán trên cơ sở dự toán do thôn trình và báo cáo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định.

c) *Tổ chức thi công và nghiệm thu công trình*

- Căn cứ dự toán được duyệt, Ủy ban nhân dân xã thông báo kế hoạch hỗ trợ đầu tư cho thôn và Ban quản lý xã tiến hành ký kết hợp đồng kinh tế với Ban phát triển thôn để tổ chức triển khai thi công công trình.

- Ban quản lý xã có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ thôn thi công. Ban giám sát cộng đồng xã có trách nhiệm giám sát trong quá trình thi công công trình.



- Ban quản lý xã, Ban giám sát cộng đồng xã, Ban phát triển thôn tổ chức nghiệm thu công trình theo quy định.

*d) Thanh toán, quyết toán*

Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13-4-2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về Hướng dẫn nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 2-12-2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC; và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

#### **4. Cơ chế đặc thù về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn xã**

Theo Thông tư số 18/2010/TT-BKH ngày 27-7-2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn cơ chế đặc thù về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.

*a) Phạm vi và đối tượng áp dụng*

- Hệ thống đường giao thông từ liên gia đến

liên thôn, hệ thống điện đến hộ gia đình, hệ thống thủy lợi, đường nội đồng và nâng cấp các chợ.

- Trung tâm văn hóa xã và các nhà văn hóa thôn, sân vận động xã, các khu thể thao thôn, tôn tạo các công trình văn hóa lịch sử, trường học các cấp (từ mầm non đến trung học cơ sở), trạm y tế, điểm bưu điện xã.

- Hệ thống thoát nước thải các khu dân cư, hệ thống cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh đến các hộ, hạ tầng các khu chăn nuôi, khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung để chuyển những hộ chăn nuôi quy mô lớn và sản xuất nghề tiểu thủ công nghiệp có ô nhiễm ra khỏi khu dân cư, hạ tầng nghĩa địa.

- Phát triển, cải tạo hệ thống ao, hồ sinh thái kết hợp phát triển kinh tế, trồng cây xanh, cây hoa cảnh nơi công cộng.

#### *b) Chủ đầu tư trên địa bàn xã*

- *Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã* là chủ đầu tư (Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm hướng dẫn và tăng cường cán bộ chuyên môn giúp các Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã thực hiện nhiệm vụ này).

Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, có tư cách pháp nhân và tài khoản riêng, sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân xã để giao dịch.

- *Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã (chủ đầu tư):*

+ Tổ chức xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch đầu tư hàng năm về xây dựng cơ sở hạ tầng (các kế hoạch đều lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư trong toàn xã) và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Tổ chức cho cộng đồng tham gia thực hiện, lập Ban giám sát để giám sát các hoạt động thực thi các dự án hạ tầng trên địa bàn xã.

+ Quản lý và triển khai thực hiện các dự án, bao gồm việc thực hiện các bước từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, nghiệm thu bàn giao và đưa công trình vào khai thác sử dụng.

+ Ký các hợp đồng kinh tế với các đơn vị có tư cách pháp nhân, cộng đồng hoặc cá nhân cung cấp vật tư, xây lắp và dịch vụ để thực hiện các dự án.

Trường hợp đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ban quản lý xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư thì Ủy ban nhân dân huyện giao cho một đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của Ban quản lý xã.

### *c) Cấp quyết định đầu tư*

- Ủy ban nhân dân xã là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với các công trình có mức đầu tư từ nguồn vốn ngân sách dưới 3 tỷ đồng, có thời gian thực hiện dưới 2 năm.

- Ủy ban nhân dân huyện là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật khi công trình có mức vốn đầu tư từ 3 tỷ đồng trở lên có nguồn gốc từ ngân sách và các công trình đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật cao.

*d) Lập kế hoạch tổng thể giai đoạn 2011-2020, kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm về phát triển hạ tầng theo tiêu chí nông thôn mới*

- Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã (với sự giúp đỡ của tư vấn) xây dựng kế hoạch tổng thể đầu tư cải tạo, nâng cấp, phát triển cơ sở hạ tầng (nằm trong đề án xây dựng nông thôn mới đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt), gồm: Danh mục các công trình cần xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp; địa điểm xây dựng; quy mô tiêu chuẩn kỹ thuật từng công trình; nguồn vốn đầu tư; cơ chế, chính sách huy động nguồn lực đầu tư; phương thức tổ chức thực hiện dự án, phương thức lựa chọn nhà thầu thi công cho từng công trình, dự án.

- Kế hoạch tổng thể đầu tư cơ sở hạ tầng xã phải có sự tham gia của cộng đồng dân cư trong xã, được bàn bạc thống nhất (Ban chỉ đạo xã hướng dẫn).

- Quy trình lấy ý kiến vào dự thảo:

+ Kế hoạch phát triển hạ tầng tổng thể sẽ được treo công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, thôn, bản.

+ Các trưởng thôn, bản phải chủ trì họp với đại diện các hộ dân trong thôn để thảo luận và lấy ý kiến đóng góp (các ý kiến đóng góp được ghi thành biên bản).

+ Trong vòng 10 - 15 ngày, Hội đồng nhân dân xã tổ chức cuộc họp nghe ý kiến đại diện các thôn, bản, ý kiến giải trình và tiếp thu của Ban quản lý xã.

+ Hội đồng nhân dân xã ban hành nghị quyết thông qua kế hoạch hoặc yêu cầu Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã chỉnh sửa lại theo ý kiến đã góp ý tại cuộc họp.

- Ủy ban nhân dân xã phê duyệt kế hoạch đồng thời công bố công khai cho các cộng đồng thôn, bản để tổ chức triển khai thực hiện (đối với những công trình không được phê duyệt trong kế hoạch đầu tư, Ủy ban nhân dân xã phải nêu rõ lý do không được duyệt để người dân biết).

- Vốn thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển hạ tầng từ:

+ Đóng góp công sức và tiền bạc của nhân dân địa phương.

+ Hỗ trợ của các nhà hảo tâm, doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác.

+ Ngân sách hỗ trợ 100% cho 6 nội dung: công tác quy hoạch; đường giao thông đến trung tâm xã; xây dựng trụ sở xã; xây dựng trường học đạt chuẩn; xây dựng trạm y tế xã; xây dựng nhà văn

hóa xã; kinh phí cho công tác đào tạo kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ xã, cán bộ thôn, bản, cán bộ hợp tác xã. Các công trình còn lại ngân sách hỗ trợ một phần, tỷ lệ tùy theo vùng, do Ban chỉ đạo Trung ương quy định.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo bố trí ưu tiên trước việc lồng ghép thêm từ nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu đang triển khai trên địa bàn nông thôn (tiếp tục triển khai trong những năm tiếp theo) cho các xã triển khai xây dựng nông thôn mới.

- Cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn đầu tư theo quy định của Bộ Tài chính.

*đ) Công tác chuẩn bị đầu tư, thủ tục trình và phê duyệt các dự án*

- Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã tổ chức triển khai công tác chuẩn bị đầu tư các công trình, dự án theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Các dự án do Ủy ban nhân dân xã là cấp quyết định đầu tư chỉ cần lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (do chủ đầu tư lập hoặc thuê tư vấn), bao gồm: tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô kỹ thuật công trình, thời gian thi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn đầu tư và cơ chế huy động nguồn vốn kèm theo thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán.

- Các công trình do Ủy ban nhân dân huyện

là cấp quyết định đầu tư thì việc lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán phải do đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân thực hiện (do chủ đầu tư thuê phải tham khảo ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện và sở quản lý chuyên ngành). Việc lựa chọn tư vấn phải theo quy định hiện hành.

- Các nội dung đầu tư, cơ chế huy động nguồn lực đầu tư thực hiện, Ban quản lý xã cần bàn bạc, lấy ý kiến người dân. Quy trình lấy ý kiến người dân tương tự như lập kế hoạch tổng thể xây dựng nông thôn mới.

- Yêu cầu của báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

- + Bản vẽ không quá phức tạp để thuận lợi cho quá trình giám sát của cộng đồng.

- + Biện pháp thi công cần đơn giản để người dân địa phương có thể chủ động tự thi công hoặc nếu cần thuê một tổ chức chuyên nghiệp thi công thì phải có cam kết thuê lại người dân địa phương thực hiện những phần việc đơn giản và trả công theo đơn giá thị trường, sử dụng tối đa nguyên vật liệu khai thác tại địa phương.

- + Các bản dự toán cũng cần lập đơn giản, dễ hiểu. Nếu cần dân đóng góp thì phải phân chia rõ giá trị phần dân góp (công lao động, nguyên vật liệu gì, khối lượng và giá trị cụ thể là bao nhiêu).

*e) Thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật*

Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định

trước khi phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án đầu tư, cụ thể như sau:

- *Đối với các công trình do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định đầu tư:* Ủy ban nhân dân xã thành lập tổ thẩm định có thành phần gồm: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã làm tổ trưởng, đại diện Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, kế toán xã, cán bộ chuyên môn, đại diện người dân có trình độ chuyên môn (do cộng đồng lựa chọn), xã có thể mời thêm các cán bộ có chuyên môn của huyện tham gia.

- *Thời gian thẩm định:* không quá 10 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các công trình thuộc đối tượng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định đầu tư và không quá 7 ngày đối với các công trình do Ủy ban nhân dân xã quyết định đầu tư.

- *Nội dung thẩm định:*

+ Kiểm tra về sự phù hợp của dự án với kế hoạch tổng thể xã, huyện.

+ Tính khả thi về kỹ thuật, khả năng giải phóng mặt bằng, khả năng huy động vốn đáp ứng tiến độ dự án.

+ Xem xét tính hợp lý về dự toán (về đơn giá, định mức và so sánh với các công trình, dự án tương tự) và hiệu chỉnh các sai số của dự toán.

- *Hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật:*



+ Tờ trình xin phê duyệt dự án của Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã, bao gồm các nội dung: tên dự án, chủ đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô và địa điểm xây dựng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư, phương án huy động vốn đầu tư, thời gian khởi công, hoàn thành và các nội dung khác liên quan.

+ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán.

+ Các văn bản pháp lý liên quan.

*g) Thực hiện đầu tư xây dựng công trình*

*- Thủ tục chọn nhà thầu:*

Chọn nhà thầu theo ba hình thức: 1) Giao các cộng đồng dân cư thôn, bản tự thực hiện xây dựng; 2) Chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng; 3) Chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu.

Khuyến khích thực hiện hình thức giao cộng đồng dân cư tự thực hiện; chỉ áp dụng hình thức lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã và hình thức đấu thầu trong trường hợp công trình đòi hỏi kỹ thuật cao, sử dụng nhiều thiết bị thi công phức tạp, các cộng đồng không thể tự thực hiện.

Quá trình lựa chọn nhóm thợ, tổ chức, cá nhân thi công phải đảm bảo tính công khai, minh bạch. Việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu do người dân bàn bạc và tự quyết định.

- Quy trình, thủ tục lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã:

+ Chủ đầu tư thông báo mời thầu trên hệ thống truyền thanh của xã, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, nhà văn hóa xã, đồng thời phổ biến cho các trưởng thôn/xóm để thông báo cho người dân được biết. Chủ đầu tư (có sự hỗ trợ của Phòng Công thương huyện) tổ chức xây dựng hồ sơ mời thầu bao gồm các tiêu chuẩn đánh giá, tiêu chí để lựa chọn nhà thầu.

+ Các nhóm thợ, cá nhân có tối thiểu 10 ngày để chuẩn bị hồ sơ dự thầu gửi chủ đầu tư.

+ Sau khi hết hạn nộp hồ sơ dự thầu, chủ đầu tư tổ chức mở thầu đánh giá. Thành phần mời tham gia đánh giá gồm đại diện Ủy ban nhân dân xã, các tổ chức đoàn thể xã hội, Ban giám sát cộng đồng, trưởng thôn/xóm (đại diện các cộng đồng dân cư thôn, xóm có công trình).

+ Trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá, các đại diện tham gia họp để đánh giá và bỏ phiếu bầu chọn nhóm thợ, cá nhân có đủ năng lực để thi công. Kết quả cuộc họp được thư ký ghi vào biên bản họp có chữ ký của các thành phần tham dự và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong trường hợp nếu hết thời hạn quy định mà chỉ có một nhóm thợ/tổ chức/cá nhân tham gia dự thầu thì chủ đầu tư đàm phán và ký kết hợp đồng với nhóm thợ/tổ chức/cá nhân đó.

- *Phê duyệt kết quả chọn nhà thầu xây dựng.*

- *Giám sát xây dựng.*

*h) Nghiệm thu, quản lý sử dụng công trình*

- *Nghiệm thu:*

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành. Thành phần tham gia nghiệm thu gồm: Đại diện Ban quản lý xã; đại diện nhóm thợ, tổ chức, cá nhân thi công xây dựng; đại diện giám sát của chủ đầu tư và Ban giám sát cộng đồng; tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng công trình; đại diện cộng đồng dân cư hưởng lợi công trình do thôn, bản bầu. Tùy theo trường hợp cụ thể, chủ đầu tư có thể mời thêm thành phần có liên quan tham gia nghiệm thu.

Sau khi nghiệm thu, chủ đầu tư bàn giao công trình cho Ủy ban nhân dân xã để giao cho tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý sử dụng (bàn giao tay ba: chủ đầu tư - bên thi công - người hưởng lợi) và bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình cho Ủy ban nhân dân xã.

- *Quản lý, vận hành và bảo dưỡng công trình:*

+ Những công trình hạ tầng phục vụ lợi ích chung toàn xã (đường liên thôn, trường học, trạm xá, trạm biến thế, kênh mương chính...) do xã chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và bảo trì. Hàng năm, Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng các công trình do xã quản lý, huy động công sức của nhân dân địa phương và các nguồn lực

hợp pháp khác để đầu tư duy tu bảo dưỡng công trình, ngân sách nhà nước không đầu tư.

+ Những công trình (còn lại) phục vụ lợi ích hộ và nhóm cộng đồng do các hộ và nhóm cộng đồng được hưởng lợi trực tiếp quản lý, vận hành và tự huy động vốn bảo trì với sự kiểm tra của chính quyền xã.

## **5. Các chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới**

*a) Chính sách hỗ trợ từ ngân sách (bao gồm các cấp trung ương, tỉnh, huyện, xã)*

Theo Quyết định số 695/2012/QĐ-TTg ngày 8-6-2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020:

- Hỗ trợ 100% từ ngân sách trung ương cho: công tác quy hoạch; đường giao thông đến trung tâm xã; xây dựng trụ sở xã; xây dựng trường học đạt chuẩn; xây dựng trạm y tế xã; xây dựng nhà văn hóa xã; kinh phí cho công tác đào tạo kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ xã, cán bộ thôn bản, cán bộ hợp tác xã.

- Hỗ trợ một phần từ ngân sách trung ương cho xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư; đường giao thông thôn, xóm; giao thông nội đồng và kênh mương nội đồng; phát triển

sản xuất và dịch vụ; nhà văn hóa thôn, bản; công trình thể thao thôn, bản; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản.

Đối với các xã thuộc các huyện nghèo, Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27-12-2008 của Chính phủ chưa quy định cụ thể mức hỗ trợ thì Quyết định số 695/2012/QĐ-TTg ngày 8-6-2012 đã quy định cụ thể.

Theo đó, đối với các xã thuộc các huyện nghèo, Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, hỗ trợ tối đa 100% từ ngân sách nhà nước cho: xây dựng đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm; giao thông nội đồng và kênh mương nội đồng; xây dựng trường học đạt chuẩn; xây dựng trạm y tế xã; xây dựng nhà văn hóa xã, thôn, bản; công trình thể thao thôn, bản; xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư; phát triển sản xuất và dịch vụ; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp thủy sản.

Đối với các xã còn lại, hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước cho: xây dựng đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm; giao thông nội đồng và kênh, mương nội đồng; xây dựng trường học đạt chuẩn; xây dựng trạm y tế xã; xây dựng nhà văn hóa xã, thôn, bản; công trình

thể thao thôn, bản; xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư; phát triển sản xuất và dịch vụ; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sẽ quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể, bảo đảm phù hợp với thực tế và yêu cầu hỗ trợ của từng địa phương.

- Vốn hỗ trợ một phần cho các công trình khác (tùy theo từng vùng kinh tế - văn hóa).

- Vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia khác: Chương trình giảm nghèo, Chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình... và các chương trình có mục tiêu khác (Chương trình 135, Chương trình trồng mới 5 triệu hecta rừng, Chương trình hỗ trợ khám bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi...).

- Vốn trái phiếu Chính phủ (nếu có).

#### *b) Chính sách hỗ trợ tín dụng*

Theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9-6-2015 của Chính phủ Về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn:

- *Đối tượng được hưởng bao gồm:*

+ Cá nhân, hộ gia đình cư trú trên địa bàn nông thôn hoặc có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

+ Hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn nông thôn.

+ Chủ trang trại.

+ Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn nông thôn hoặc tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

+ Doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn nông thôn, ngoại trừ các đối tượng sau: doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, khai khoáng, các cơ sở sản xuất thủy điện, nhiệt điện, v.v..

+ Doanh nghiệp cung cấp vật tư nông nghiệp đầu vào cho sản xuất nông nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm, phụ phẩm nông nghiệp.

*- Các lĩnh vực được ưu tiên vay vốn:*

+ Vay các chi phí phát sinh phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ.

+ Vay phục vụ sản xuất công nghiệp, thương mại và cung ứng các dịch vụ trên địa bàn nông thôn.

+ Vay để sản xuất giống trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, trồng rừng và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ phục vụ quá trình sản xuất nông nghiệp.

+ Vay phát triển ngành nghề tại địa bàn nông thôn.

+ Vay phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

+ Vay các nhu cầu phục vụ đời sống của cư dân trên địa bàn nông thôn.

+ Vay theo các chương trình kinh tế liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ.

- *Cơ chế bảo đảm tiền vay:*

Các cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và chủ trang trại được tổ chức tín dụng cho vay không có tài sản bảo đảm theo các mức:

+ Tối đa 50 triệu đồng đối với cá nhân, hộ gia đình cư trú ngoài khu vực nông thôn có hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

+ Tối đa 100 triệu đồng đối với cá nhân, hộ gia đình cư trú tại địa bàn; cá nhân, hộ gia đình cư trú ngoài khu vực nông thôn có tham gia liên kết trong sản xuất nông nghiệp với hợp tác xã hoặc doanh nghiệp.

+ Tối đa 200 triệu đồng đối với cá nhân, hộ gia đình đầu tư cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.

+ Tối đa 300 triệu đồng đối với tổ hợp tác và hộ kinh doanh.

+ Tối đa 500 triệu đồng đối với hộ nuôi trồng thủy sản, hộ khai thác thủy sản xa bờ có ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với tổ chức chế biến và xuất khẩu trực tiếp.

+ Tối đa 1 tỷ đồng đối với hợp tác xã, chủ trang trại hoạt động trên địa bàn nông thôn hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

+ Tối đa 2 tỷ đồng đối với hợp tác xã nuôi trồng thủy sản hoặc khai thác hải sản xa bờ, cung cấp dịch



vụ phục vụ khai thác hải sản xa bờ; các chủ trang trại nuôi trồng thủy sản; liên hiệp hợp tác xã hoạt động trên địa bàn nông thôn hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp không bao gồm các đối tượng thuộc quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP.

+ Tối đa 3 tỷ đồng đối với liên hiệp hợp tác xã nuôi trồng thủy sản hoặc khai thác hải sản xa bờ, cung cấp dịch vụ phục vụ khai thác hải sản xa bờ.

Tuy nhiên, người vay phải nộp cho tổ chức tín dụng bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ). Nếu chưa có thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã đảm bảo đất không có tranh chấp. Các đối tượng vay chỉ được vay không thế chấp tài sản tại một tổ chức tín dụng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc vay vốn.

*c) Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư*

Theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19-12-2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn:

- *Đối tượng thụ hưởng:* Đăng ký hoạt động theo luật pháp Việt Nam.

- *Các mức độ ưu đãi:*

+ Đặc biệt ưu đãi: Áp dụng với dự án nông nghiệp thuộc danh mục đặc biệt ưu đãi hoặc thực hiện ở vùng, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Ưu đãi: Áp dụng với vùng, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

+ Khuyến khích: Áp dụng cho các vùng nông thôn còn lại.

- Loại ưu đãi đầu tư:

Loại ưu đãi	Đặc biệt ưu đãi	Ưu đãi	Khuyến khích
<b>I. Ưu đãi về đất đai</b>			
- Miễn, giảm tiền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước	100%	70%	50%
- Miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước	Toàn bộ thời gian	15 năm đầu (mức giá thấp nhất)	11 năm đầu (mức giá thấp nhất)
- Miễn tiền thuê đất cho dự án làm nhà ở công nhân, trồng cây xanh, công trình phúc lợi công cộng	100%	100%	100%
- Hỗ trợ tiền thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân	20% cho 5 năm đầu	-	-
- Miễn, giảm tiền sử dụng đất khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất	100%	50%	-
<b>II. Hỗ trợ đầu tư</b>			
<b>1. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường và áp dụng khoa học công nghệ</b>			

- Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực	70% kinh phí đào tạo nghề trong nước, mỗi lao động chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần, thời gian đào tạo không quá 6 tháng; mỗi dự án tối đa không quá 10% tổng mức đầu tư dự án và không quá 1 tỷ đồng
<b>- Hỗ trợ phát triển thị trường</b>	
+ Chi phí quảng cáo doanh nghiệp và sản phẩm	50% kinh phí, mỗi dự án tối đa không quá 10% tổng mức đầu tư dự án và không quá 1 tỷ đồng
+ Chi phí tham gia triển lãm, hội chợ trong nước	50% kinh phí, mỗi dự án tối đa không quá 10% tổng mức đầu tư dự án và không quá 1 tỷ đồng
+ Chi phí tiếp cận thông tin thị trường và phí dịch vụ từ cơ quan xúc tiến thương mại của Nhà nước	50% kinh phí, mức hỗ trợ tối đa không quá 10% tổng mức đầu tư dự án và không quá 1 tỷ đồng
<b>- Hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ</b>	
+ Để tài nghiên cứu tạo ra công nghệ mới hoặc mua bản quyền công nghệ thực hiện dự án	70% kinh phí, mức hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án
+ Đầu tư mới để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm	70% kinh phí, mức hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án
<b>2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm</b> (Các dự án đầu tư được hỗ trợ phải bảo đảm các điều kiện: công suất giết mổ một ngày đêm đạt tối thiểu 400 con gia súc hoặc 4.000 con gia cầm hoặc 200 gia súc và 2.000 gia cầm; nằm trong khu quy hoạch; bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương)	
- Dự án đầu tư đủ điều kiện	Hỗ trợ thấp nhất 2 tỷ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng về điện, nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và mua thiết bị

- Dự án chưa có đường giao thông, điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án	Hỗ trợ thấp nhất 2 tỷ đồng, ngoài ra còn được hỗ trợ 70% chi phí và không quá 5 tỷ đồng đầu tư xây dựng các hạng mục (đường, điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án)
<b>3. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc</b> (Các dự án đầu tư được hỗ trợ phải bảo đảm các điều kiện: có quy mô chăn nuôi thường xuyên tập trung từ 1.000 con trở lên đối với lợn thịt, 500 con trở lên đối với trâu, bò, dê, cừu thịt; hoặc từ 200 con bò thịt cao sản nhập ngoại; hoặc từ 500 con bò sữa cao sản; nằm trong quy hoạch; bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương)	
- Dự án đầu tư đủ điều kiện	Hỗ trợ 3 tỷ đồng/dự án, riêng đối với chăn nuôi bò sữa cao sản là 5 tỷ đồng/dự án
- Dự án chưa có đường giao thông, điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án	Ngoài mức hỗ trợ theo quy định, còn được 70% chi phí và không quá 5 tỷ đồng đầu tư xây dựng các hạng mục (đường, điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án)
<b>4. Hỗ trợ trồng cây dược liệu, cây mắc ca (macadamia)</b> (Các dự án đầu tư được hỗ trợ phải nằm trong quy hoạch; cây dược liệu nằm trong danh mục quy định ưu tiên và khuyến khích phát triển của Bộ Y tế; sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương)	
- Dự án từ 50 ha trở lên	15 triệu đồng/ha
- Dự án từ 500 ha trở lên	70% chi phí đầu tư và không quá 2 tỷ đồng
<b>5. Hỗ trợ đầu tư nuôi trồng hải sản trên biển</b> (Các dự án đầu tư được hỗ trợ phải nằm trong quy hoạch; có quy mô nuôi tối thiểu 5 ha hoặc có 10 lồng nuôi từ trên 100m <sup>3</sup> /lồng trở lên; bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường; sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương)	
- Dự án nuôi trồng hải sản ở vùng biển cách xa bờ trên 6 hải lý hoặc ven hải đảo	100 triệu đồng cho 100m <sup>3</sup> lồng nuôi

- Dự án nuôi trồng hải sản ở vùng biển gần bờ	40 triệu đồng cho 100m <sup>3</sup> lồng nuôi
<b>6. Hỗ trợ đầu tư cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sắn, sấy phụ phẩm thủy sản, chế biến cà phê</b> (Các dự án đầu tư được hỗ trợ phải nằm trong quy hoạch; công suất phải đạt tối thiểu 150 tấn/ngày đối với cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sắn, 50 tấn/ngày đối với cơ sở sấy phụ phẩm thủy sản, 5.000 tấn/năm đối với cơ sở chế biến cà phê; bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường; sử dụng tối thiểu 30% lao động và 60% nguyên liệu tại địa phương)	
- Dự án đầu tư cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sắn, phụ phẩm thủy sản	2 tỷ đồng/dự án
- Dự án đầu tư cơ sở chế biến cà phê	3 tỷ đồng/dự án
<b>7. Hỗ trợ đầu tư chế biến gỗ rừng trồng đặc thù cho các tỉnh Tây Bắc và các tỉnh có huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP</b> (Các dự án đầu tư được hỗ trợ phải được chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; các nhà máy sản xuất ván MDF, ván dăm phải kết hợp sản xuất ván sàn, ván thanh, ván ghép thanh, ván ép để tránh lãng phí tài nguyên; thiết bị được sản xuất tại các nước phát triển, nếu sản xuất tại nước đang phát triển thì phải mới 100%; nhà máy không được dời địa bàn đăng ký sản xuất trong vòng 20 năm; diện tích rừng trồng và nguyên liệu hiện có trên địa bàn tỉnh phải đủ cho nhà máy hoạt động tối thiểu 60% công suất trong 5 năm đầu; sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương; bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường)	
- Dự án nhà máy sản xuất gỗ MDF quy mô trên 30.000m <sup>3</sup> /năm	Hỗ trợ đầu tư nhà máy 20 tỷ đồng, hỗ trợ chi phí vận chuyển sản phẩm với mức 1.500 đồng/tấn/km trong 5 năm
- Dự án nhà máy chế biến ván dăm, tre ép công nghiệp quy mô trên 20.000m <sup>3</sup> /năm	Hỗ trợ đầu tư nhà máy 10 tỷ đồng, hỗ trợ chi phí vận chuyển sản phẩm với mức 1.500 đồng/tấn/km trong 5 năm

**8. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế tạo, bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản**

(Các dự án đầu tư được hỗ trợ phải nằm trong quy hoạch; giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 2 lần so với giá trị nguyên liệu thô; bảo đảm tiêu chuẩn an toàn thực phẩm; bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường; sử dụng tối thiểu 30% lao động và 60% nguyên liệu nông, lâm, thủy sản chính tại địa phương)

- Dự án đầu tư nhà máy, cơ sở bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản; cơ sở sản xuất phụ trợ; chế tạo thiết bị cơ khí để bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hỗ trợ không quá 60% và không quá 5 tỷ đồng để xây dựng nhà xưởng và mua thiết bị (nếu dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án thì được hỗ trợ thêm 70% chi phí và tổng mức hỗ trợ không quá 5 tỷ đồng)</li><li>- Hỗ trợ không quá 70% chi phí xử lý chất thải cho nhà máy có quy mô lớn, đã đầu tư, sử dụng nhiều lao động, có tác động lớn đến kinh tế - xã hội địa phương</li><li>- Hỗ trợ chi phí vận chuyển sản phẩm với mức 1.500 đồng/tấn/km trong 5 năm</li></ul>
---	--

*d) Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp và nông thôn*

Theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19-6-2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn:

- Trồng rừng, bảo vệ rừng, trồng cây dược liệu.
- Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến.
- Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản, hải sản tập trung.
- Sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản.

- Ứng dụng công nghệ sinh học; công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy hải sản.

- Đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ.

- Sản xuất, tinh chế muối.

- Sản xuất nguyên liệu và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, chế phẩm sinh học.

- Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, dược liệu.

- Sản xuất bột giấy, giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản.

- Sản xuất thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Sản xuất hàng thủ công; sản phẩm văn hóa, dân tộc truyền thống.

- Xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước.

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến gia súc, gia cầm tập trung, công nghiệp.

- Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn.

- Xây dựng chợ nông thôn; xây dựng ký túc xá công nhân ở nông thôn.

- Sản xuất máy, thiết bị, chất phụ gia, phụ trợ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, máy chế biến thực phẩm.

- Dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y ở vùng nông thôn.
- Dịch vụ tư vấn đầu tư, khoa học, kỹ thuật về sản xuất nông, lâm, thủy sản và nghề muối ở vùng nông thôn.

## **6. Cách thức thực hiện**

### *a) Lập kế hoạch và thông báo kế hoạch vốn*

- *Lập kế hoạch vốn:* Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã căn cứ Đề án xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt lập kế hoạch vốn cho 5 năm và kế hoạch sử dụng hàng năm trình Ban chỉ đạo xã phê duyệt và trình Ban chỉ đạo cấp trên tổng hợp để có căn cứ phân bổ vốn ngân sách hỗ trợ xã hàng năm.

- *Thông báo kế hoạch vốn:* Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã tổng hợp các nguồn vốn: ngân sách cấp trên hỗ trợ (gồm cả ngân sách trung ương, tỉnh, huyện cho xã xây dựng nông thôn mới), vốn có từ ngân sách xã, vốn dân góp, vốn tham gia từ các nguồn khác. Đồng thời xác định nhu cầu vốn cho các loại công việc phải thực hiện trong năm, đề xuất phương án vốn, báo cáo Ban chỉ đạo xin ý kiến. Sau đó thông báo công khai trong cộng đồng xã đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản) để làm căn cứ chuyển tiền.

### *b) Mở tài khoản*

Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã được mở tài khoản “*Tiền gửi vốn đầu tư thuộc xã quản lý*”



tại Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản giao dịch của xã) để làm tài khoản giao dịch. Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân xã để thực hiện các giao dịch tại ngân hàng.

*c) Tạm ứng, thanh toán vốn*

*- Cơ chế cấp vốn:*

+ Với vốn bổ sung từ ngân sách trung ương: Sở Tài chính thông báo số vốn bổ sung này cho xã (qua cấp huyện).

+ Với vốn bổ sung từ ngân sách tỉnh, huyện: Phòng Tài chính huyện thông báo cho xã, đồng thời rút dự toán theo quy định và chuyển vào tài khoản xã.

+ Đối với các nguồn khác: Căn cứ vào kế hoạch mà xã thông báo, Kho bạc Nhà nước huyện chuyển toàn bộ vào tài khoản “Tiền gửi vốn đầu tư thuộc xã quản lý”. Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã có nhiệm vụ nhận vốn, chủ động quyết định thu, chi theo đề án đã duyệt. Định kỳ (1 tháng, 3 tháng) công khai.

- *Hồ sơ, tài liệu của dự án:* Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã khi giao dịch với kho bạc được sử dụng mẫu biểu chứng từ kế toán ban hành theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho hệ thống thông tin quản lý ngân sách và nghiệp vụ kho bạc” (Thông tư này được đính

chính bởi Quyết định số 759/QĐ-BTC ngày 16-4-2013 và sau đó được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25-8-2014).

- *Kho bạc Nhà nước kiểm soát, thanh toán như sau:*

+ Thanh toán trước, kiểm soát sau cho từng lần thanh toán.

+ Kiểm soát trước, thanh toán sau đối với lần thanh toán cuối cùng.

+ Căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng) của Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã hoặc căn cứ dự toán được duyệt (đối với loại công việc không thông qua hợp đồng), kho bạc thực hiện thanh toán (tạm ứng) vốn cho Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã hoặc theo đề nghị của Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã để thanh toán tiếp cho nhà thầu (Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng công việc, định mức, dự toán, chất lượng công trình. Kho bạc không chịu trách nhiệm về vấn đề này).

#### *d) Quyết toán*

- Tất cả các công trình được đầu tư, khi bàn giao đưa vào sử dụng phải được phê duyệt quyết toán hoàn thành.

- Quyết định phê duyệt quyết toán phải được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và đơn vị liên quan.

- Dự án, công trình đầu tư có sử dụng vốn ngân sách hỗ trợ, trước khi phê duyệt quyết toán phải có xác nhận của trưởng ban giám sát xây dựng xã.

*đ) Chế độ giám sát và báo cáo*

- *Giám sát cộng đồng:*

+ Thành lập Ban giám sát xây dựng xã để giám sát việc xây dựng các công trình nông thôn mới trên địa bàn.

+ Ban giám sát xây dựng xã có tối đa 9 thành viên, do cộng đồng người dân (nơi có công trình đầu tư) cử ra. Trưởng ban giám sát xây dựng xã do các thành viên của Ban giám sát bầu và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chuẩn y bằng văn bản.

+ Trách nhiệm của Ban giám sát xây dựng xã:

- Được quyền yêu cầu nhà thầu phải thực hiện đúng hợp đồng.

- Xác nhận số liệu tại mẫu biểu quyết toán đối với các dự án đầu tư có sử dụng vốn ngân sách.

- Tham gia ký biên bản nghiệm thu (có quyền từ chối ký nếu công trình không đạt chất lượng yêu cầu).

+ Ban giám sát xây dựng xã được cấp kinh phí hoạt động (mức do Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã quy định nhưng không quá 10 triệu đồng/năm). Kinh phí này được trích từ vốn xây dựng nông thôn mới.

- *Chế độ báo cáo:*

Định kỳ hằng quý, hằng năm, Ban quản lý

xây dựng nông thôn mới xã lập báo cáo tình hình thực hiện khối lượng công việc và vốn đầu tư để thanh toán gửi Ủy ban nhân dân xã xác nhận để trình Ban chỉ đạo cấp trên (làm căn cứ theo dõi, đánh giá và có quyết định chỉ đạo, phân bổ vốn cho phù hợp).

Báo cáo quý cần gửi trước ngày 5 của tháng đầu quý tiếp theo. Báo cáo năm gửi trước ngày 10-1 của năm tiếp theo.

*Phần III*

**CÁC QUY ĐỊNH VỀ THI ĐUA,  
KHEN THƯỞNG TRONG PHONG TRÀO  
CHUNG SỨC XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI**

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN  
PHONG TRÀO THI ĐUA  
“CẢ NƯỚC CHUNG SỨC XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1620/QĐ-TTg  
ngày 20-9-2011 của Thủ tướng Chính phủ)*

Nhân dịp kỷ niệm 63 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11-6-1948 – 11-6-2011) và thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 5-8-2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, ngày 8-6-2011, tại Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, đã phát động Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” (sau đây

gọi tắt là “Phong trào thi đua”). Để Phong trào thi đua được triển khai rộng khắp, đạt kết quả toàn diện, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

a) Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trực tiếp tham gia thực hiện thắng lợi chủ trương xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước;

b) Tổ chức Phong trào thi đua để phấn đấu đạt tỷ lệ xã chuẩn nông thôn mới đến năm 2015 tối thiểu là 20%; đến năm 2020 đạt 50%; cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần cho người dân trên địa bàn nông thôn.

### **2. Yêu cầu**

a) Việc thực hiện Phong trào thi đua phải trở thành nhiệm vụ trọng tâm trong các phong trào thi đua của các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cụm, khối thi đua giai đoạn 2011-2020;

b) Phong trào thi đua phải được triển khai sâu rộng từ Trung ương đến cấp cơ sở, với nội dung, hình thức phong phú, thiết thực và phương châm “phát huy nội lực là chính”, phù hợp với sự chỉ đạo

của cấp ủy, chính quyền và thực tiễn ở địa phương, cơ sở;

c) Phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng các điển hình tiên tiến, các sáng kiến, kinh nghiệm hay trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

## II. NỘI DUNG PHONG TRÀO THI ĐUA

1. Các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và các cụm, khối thi đua tổ chức các phong trào thi đua tập trung vào việc thực hiện 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới ban hành theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16-4-2009 của Thủ tướng Chính phủ (và *một số tiêu chí sửa đổi theo Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20-2-2013 của Thủ tướng Chính phủ về Sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới*) và 11 nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới ban hành theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ; phấn đấu để đạt, vượt và về đích sớm các mục tiêu và nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia đã đề ra.

2. Các nội dung cần tập trung đẩy mạnh Phong trào thi đua là:

a) Các hoạt động nghiên cứu, phát huy sáng

kiến trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chính sách, đề xuất các giải pháp hữu ích nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới;

b) Các hoạt động huy động mọi nguồn lực, xã hội hóa, phát huy nội lực; huy động công sức, cơ sở vật chất cho xây dựng nông thôn mới;

c) Cấp tỉnh, cấp huyện phấn đấu hoàn thành sớm, có chất lượng, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

d) Các xã phấn đấu hoàn thành sớm, có chất lượng, các tiêu chí nông thôn mới.

**3.** Căn cứ chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và nhiệm vụ được giao trong tham gia xây dựng nông thôn mới, các bộ, ngành xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả Phong trào thi đua.

**4.** Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch có lộ trình, giải pháp cụ thể để tổ chức Phong trào thi đua trên địa bàn; trong đó, chú trọng sự phối hợp, liên kết chặt chẽ giữa các bộ, ngành và địa phương, hướng Phong trào thi đua vào thực hiện 11 nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; tạo được cơ sở và bước đi vững chắc trong việc xây dựng nông thôn mới ở từng giai đoạn, phù hợp với từng vùng, từng địa bàn và từng đối tượng dân cư.



**5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các đoàn thể nhân dân vận động đoàn viên, hội viên tham gia hưởng ứng tích cực Phong trào thi đua, lựa chọn đảm nhận những nội dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của đoàn viên, hội viên trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; triển khai đồng bộ, gắn Phong trào thi đua với cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và với các phong trào, các cuộc vận động khác do các đoàn thể đang triển khai thực hiện, tạo ra động lực mới cho việc thực hiện các phong trào thi đua yêu nước.**

### **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Tiếp tục tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về chủ trương xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước tại Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 5-8-2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X; Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới ban hành theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16-4-2009 của Thủ tướng Chính phủ (có sửa đổi một số tiêu chí theo Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20-2-2013 của Thủ tướng Chính phủ về Sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới); Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới ban hành theo Quyết định số**

800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ; các nội dung cụ thể hóa của Ban chỉ đạo các cấp; tuyên truyền sâu rộng Chỉ thị số 725/CT-TTg ngày 17-5-2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2011 và kế hoạch 5 năm (2011-2015) theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”.

**2.** Các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cụm, khối thi đua căn cứ vào đặc điểm tình hình, yêu cầu, nhiệm vụ và đối tượng cụ thể để có các hình thức tuyên truyền phù hợp với nội dung trong các văn bản nêu tại Khoản 1 Mục này, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân về yêu cầu xây dựng nông thôn mới hiện nay; từ đó tạo sự đồng thuận của toàn xã hội và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong quyết tâm triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Phong trào thi đua.

**3.** Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, chỉ đạo các cơ quan truyền thông trong cả nước đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, mở các chuyên trang chuyên mục, tăng cường thời lượng nhằm phát hiện, biểu dương

và nhân rộng những cách làm mới, sáng tạo, hiệu quả, các điển hình tiên tiến về thực hiện phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới.

**4. Các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước căn cứ yêu cầu, đối tượng cụ thể tổ chức phát động triển khai sâu rộng Phong trào thi đua. Việc tổ chức phát động Phong trào thi đua cần được tiến hành với nội dung, tiêu chí cụ thể, hình thức phù hợp, gắn yêu cầu xây dựng nông thôn mới với tinh thần thiết thực, tránh phô trương, hình thức, lãng phí.**

**5. Chọn chỉ đạo điểm Phong trào thi đua:**

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương chọn 6 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, 5 huyện và 11 xã đã được Ban chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới chọn chỉ đạo điểm, để chỉ đạo điểm Phong trào thi đua ở cấp trung ương; chọn mỗi cụm thi đua một tỉnh, thành phố, mỗi khối thi đua một bộ (ngành, đoàn thể) để chỉ đạo điểm phong trào thi đua cấp cụm, khối;

b) Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chọn ít nhất 1 huyện và từ 3 - 5 xã để chỉ đạo điểm Phong trào thi đua cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo danh sách đăng ký chỉ đạo điểm Phong trào thi đua về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung

ương qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quý IV năm 2011.

**6.** Kết thúc năm 2012, các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động tiến hành sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc chỉ đạo điểm Phong trào thi đua để nhân rộng mô hình cho giai đoạn tiếp theo. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phân công rõ trách nhiệm cho các thành viên trong quá trình chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện Phong trào thi đua ở các lĩnh vực, địa bàn cụ thể.

**7.** Hàng năm, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương sẽ tổ chức các đoàn kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Phong trào thi đua ở một số địa phương, đơn vị (thời gian, địa điểm, nội dung, thành phần các đoàn sẽ có thông báo cụ thể).

## **IV. TIÊU CHUẨN THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

### **1. Tiêu chuẩn thi đua**

*a) Đối với các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương*  
- Hoàn thành có chất lượng, đúng thời hạn các văn bản hướng dẫn xây dựng nông thôn mới được quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia

về xây dựng nông thôn mới ban hành theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Bám sát thực tiễn, nghiên cứu bổ sung kịp thời các hướng dẫn và tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đề ra các cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới cho cơ sở;

- Có đăng ký và tham gia chỉ đạo, hỗ trợ làm chuyển biến rõ nét ít nhất một địa phương trong xây dựng nông thôn mới. Cấp bộ, ngành đăng ký hỗ trợ cấp tỉnh; những đơn vị trực thuộc bộ, ngành (cấp cục, vụ, viện...) đăng ký hỗ trợ ít nhất 1 đơn vị cấp huyện hoặc cấp xã.

*b) Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*

- Quy định tỷ lệ xã chuẩn nông thôn mới tối thiểu phải đạt trong giai đoạn 2011-2015 theo quy định tại Khoản 1 Mục II Điều 1 Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 là 20%;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được khen thưởng phải có tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới cao nhất trong vùng; đồng thời, phải có nỗ lực phấn đấu xây dựng nông thôn mới tiêu biểu so với các tỉnh trong vùng.

*c) Đối với cấp huyện*

Phải là huyện có tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới cao nhất trong tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương, đồng thời là huyện tiêu biểu, nỗ lực phấn đấu xây dựng nông thôn mới.

*d) Đối với xã*

Phải đạt chuẩn nông thôn mới, đồng thời là xã tiêu biểu trong nỗ lực xây dựng nông thôn mới.

*đ) Đối với cá nhân*

- Cán bộ, công chức, viên chức phải nỗ lực bám sát cơ sở, có sáng kiến, giải pháp hữu ích trong việc xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách, hướng dẫn hoặc chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho cơ sở trong xây dựng nông thôn mới;

- Đối tượng khác (doanh nhân, trí thức, nhà khoa học, các cá nhân ở trong và ngoài nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài...) có nhiều đóng góp về công sức, trí tuệ, tình cảm, vật chất, sáng kiến vào xây dựng nông thôn mới (gắn với địa chỉ cụ thể); riêng đối với hộ dân cư nông thôn còn phải có thêm thành tích xây dựng, cải tạo nơi ở (nhà, công trình vệ sinh, ao vườn, tường rào, cổng ngõ) xanh, sạch, đẹp tiêu biểu, giữ vệ sinh môi trường; sản xuất giỏi, có thu nhập khá và giúp đỡ cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

## **2. Hình thức khen thưởng**

a) Hàng năm, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

Trung ương, các cụm, khối thi đua, các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải coi kết quả triển khai tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” là nội dung quan trọng khi đánh giá thi đua cho các đơn vị cấp dưới;

Việc xét khen thưởng hàng năm về kết quả thực hiện Phong trào thi đua do các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

*b) Khen thưởng tổng kết giai đoạn 2011-2015*

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương chọn mỗi cụm, khối thi đua một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, một bộ, ngành, đoàn thể Trung ương để đề nghị khen thưởng;

Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chọn 1 huyện và 5% số xã trong tỉnh tiêu biểu nhất để đề nghị khen thưởng (xã đề nghị khen thưởng phải là xã đạt chuẩn nông thôn mới);

Mỗi bộ, ngành, đoàn thể lựa chọn 2-3 đơn vị trực thuộc có thành tích tiêu biểu để đề nghị khen thưởng;

Hồ sơ khen thưởng gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương, qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương. Sau khi thống nhất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn danh sách

đề nghị khen thưởng, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

Việc xét khen thưởng cho các đơn vị còn lại đạt thành tích xuất sắc ở bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định.

*c) Hình thức và mức khen thưởng*

Đối với xã: Được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen và thưởng 1 công trình phúc lợi trị giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng);

Đối với huyện: Được Chính phủ tặng Cờ thi đua và thưởng 1 công trình phúc lợi trị giá 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng);

Đối với tỉnh: Được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động và thưởng công trình phúc lợi trị giá 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng);

Các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các thành phần kinh tế và các cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc đặc biệt xuất sắc trong việc thực hiện Phong trào thi đua được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen hoặc được đề nghị Chủ tịch nước tặng Huân chương các loại hoặc danh hiệu vinh dự nhà nước.

*d) Kinh phí khen thưởng*

Được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương hỗ



trợ triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020 và theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

## **V. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” được triển khai thực hiện từ năm 2011 đến năm 2020, chia thành các giai đoạn:

### **1. Giai đoạn 1 (2011-2015)**

- Năm 2011: Ban hành Kế hoạch và tổ chức phát động, đăng ký chỉ đạo điểm. Yêu cầu 100% tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức phát động, đăng ký thực hiện Phong trào thi đua. Các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương tổ chức phát động triển khai phong trào trong phạm vi lĩnh vực, đối tượng được phụ trách. Hoàn thành việc phát động và đăng ký chỉ đạo điểm Phong trào thi đua trong quý IV năm 2011.

- Năm 2012: Đánh giá việc chỉ đạo điểm, nhân rộng phong trào.

- Từ 2012-2015: Triển khai sâu rộng phong trào để thực hiện các nội dung kế hoạch. Tổ chức sơ kết ở cấp huyện, cấp tỉnh và cấp trung ương trong năm 2015.

### **2. Giai đoạn 2 (2016-2020)**

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả việc thực

hiện Giai đoạn 1, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tiếp tục triển khai Giai đoạn 2 của Phong trào thi đua và tổng kết vào năm 2020.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới cùng cấp thống nhất xây dựng kế hoạch, đề ra các nội dung và biện pháp triển khai có hiệu quả Phong trào thi đua.

**2.** Các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ kế hoạch và điều kiện cụ thể để xây dựng kế hoạch, hướng dẫn và triển khai tổ chức thực hiện bảo đảm nội dung, chất lượng và tiến độ.

**3.** Các bộ, ngành được phân công phụ trách từng nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đã được phân công.

**4.** Giao Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này, hàng năm báo cáo Hội

đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương và Thủ tướng Chính phủ.

**5.** Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các hội viên, đoàn viên tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới; phát hiện, nhân rộng các điển hình trong phạm vi toàn quốc.

**6.** Định kỳ 6 tháng, hàng năm, các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo tình hình tổ chức thực hiện Phong trào thi đua về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

**7.** Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tiễn theo đề nghị của các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

# **PHONG TRÀO THI ĐUA NGÀNH KẾ HOẠCH, ĐẦU TƯ VÀ THỐNG KÊ CHUNG SỨC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

*(Quyết định số 1329/QĐ-BKHĐT ngày 19-10-2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

a) Phát huy sức mạnh của toàn Ngành trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trực tiếp tham gia thực hiện thắng lợi chủ trương xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước.

b) Tổ chức phong trào thi đua, phấn đấu để đạt, vượt và về đích sớm các mục tiêu và nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới ban hành theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời nghiên cứu, tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đề ra các cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy chương trình xây dựng nông thôn mới đạt kết quả cao nhất.

### **2. Yêu cầu**

a) Việc thực hiện phong trào thi đua “Ngành

Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê chung sức xây dựng nông thôn mới” phải trở thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong các phong trào thi đua của Ngành giai đoạn 2012 - 2020; khi đánh giá kết quả thi đua và công nhận danh hiệu thi đua hàng năm phải gắn với kết quả triển khai thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê.

b) Phong trào thi đua phải được triển khai sâu rộng từ Bộ đến các đơn vị trực thuộc với nội dung, hình thức phong phú, thiết thực; quá trình triển khai phải phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể và chính quyền ở các địa phương, cơ sở.

c) Thông qua các phong trào thi đua chủ động phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng các điển hình tiên tiến, các sáng kiến, kinh nghiệm hay trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

### **3. Chỉ tiêu phấn đấu**

#### *a) Về triển khai, thực hiện*

Phấn đấu 100% các đơn vị thuộc Bộ, ngành Kế hoạch và Đầu tư (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế các địa phương) có đăng ký thi đua tham gia triển khai phong trào chung sức xây dựng nông thôn mới.

#### *b) Về xây dựng cơ chế và phân bổ nguồn lực*

- Cân đối, tăng đầu tư từ nguồn ngân sách

nhà nước cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, bảo đảm vốn đầu tư 5 năm 2011-2015 cao gấp 2 lần so với 5 năm 2006-2010.

- Đến năm 2015: 100% đơn vị đăng ký thi đua hoàn thành các cơ chế, chính sách về đầu tư, hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*c) Về xây dựng mô hình*

Phấn đấu 100% số mô hình đăng ký triển khai hoàn thành cơ bản các tiêu chí nông thôn mới.

## II. NỘI DUNG PHONG TRÀO THI ĐUA

**1. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, phát huy sáng kiến trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chính sách, đề xuất các giải pháp hữu ích nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới, trong đó:**

a) Nghiên cứu, đổi mới các chính sách về công tác quy hoạch và lập đề án, các chính sách đầu tư bằng nguồn vốn trong, ngoài nước ưu tiên phát triển nông nghiệp, nông thôn; xây dựng cơ chế giám sát để sử dụng có hiệu quả các nguồn đầu tư công cho khu vực nông nghiệp, nông thôn;

b) Chủ động nghiên cứu trình Chính phủ các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp của Bộ;

c) Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn; nghiên cứu, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn;

d) Nâng cao chất lượng dự báo, tổng hợp, thu thập số liệu thống kê về nông nghiệp, nông dân và nông thôn làm cơ sở xây dựng kế hoạch, hoạch định chính sách phát triển nông thôn trong giai đoạn mới và phục vụ công tác giám sát đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và chính sách này;

e) Đưa Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới là nội dung quan trọng khi xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đầu tư phát triển hàng năm của Bộ trình Chính phủ.

**2.** Phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ các cơ chế chính sách mới về khuyến khích đầu tư trong phát triển kết cấu hạ tầng, xây dựng giao thông nông thôn; trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường; kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường; khuyến khích phát triển các lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao, giáo dục, y tế; các chính sách về dân số, lao động việc làm ở nông thôn, xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển bền vững.

**3.** Tạo cơ chế huy động nguồn lực trong và ngoài nước xây dựng nông thôn mới: phối hợp với các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp Việt Nam ưu tiên đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp để đẩy mạnh Chương trình xây

dựng nông thôn mới. Tham gia hỗ trợ đào tạo về khoa học và công nghệ thông tin trong lĩnh vực chuyên môn thuộc phạm vi quản lý của ngành Kế hoạch và Đầu tư.

**4.** Chỉ đạo điểm theo phân công của Ban chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Lựa chọn 3 xã thuộc 3 tỉnh: Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An để chỉ đạo hỗ trợ xây dựng mô hình nông thôn mới tại các địa phương. Nội dung tập trung vào việc hỗ trợ nguồn lực, vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống (y tế, giáo dục, văn hóa thể thao...) và tạo việc làm cho lao động nông thôn.

**5.** Việc triển khai thực hiện các dự án, mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trong lĩnh vực Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê được gắn Phong trào thi đua với cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và với các phong trào, các cuộc vận động khác do các đoàn thể đang triển khai thực hiện, tạo ra động lực mới cho việc thực hiện các phong trào thi đua yêu nước.

Để triển khai có kết quả các nội dung trên, Bộ dự kiến danh mục một số nội dung cụ thể (phần phụ lục) gắn với nhiệm vụ các đơn vị để thực hiện phong trào thi đua “Ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê chung sức xây dựng nông thôn mới”.



### III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

**1. Tập trung phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ, các đơn vị trong Ngành về chủ trương của Đảng, Nhà nước về Chương trình xây dựng nông thôn mới.**

*a) Nội dung tuyên truyền*

- Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 5-8-2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X nhằm nâng cao nhận thức về chủ trương xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước;

- Bộ tiêu chí (19 tiêu chí) quốc gia về nông thôn mới; 11 nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và các nội dung cụ thể hóa của Ban chỉ đạo các cấp;

- Các mô hình, điển hình trong phong trào thi đua.

*b) Hình thức tuyên truyền*

Xây dựng các chuyên mục, chuyên đề về Chương trình xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là về kế hoạch phát động phong trào thi đua “Ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê chung sức xây dựng nông thôn mới”; tổ chức hội nghị gặp mặt, biểu dương và nhân rộng các gương điển hình trong phong trào xây dựng nông thôn mới...

**2. Phân công trách nhiệm các đơn vị như sau:**

a) Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

Bộ (Vụ Thi đua - Khen thưởng) chủ trì thực hiện phong trào thi đua “Ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê chung sức xây dựng nông thôn mới”. Phối hợp với thành viên Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của Bộ thống nhất kế hoạch, đề ra các nội dung và biện pháp triển khai có hiệu quả phong trào thi đua. Hàng năm sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm và đề xuất hình thức khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc.

b) Đảng ủy cơ quan chỉ đạo các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các hội, đoàn thể khác thuộc Bộ; các báo, tạp chí, Cổng thông tin điện tử của Bộ có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các hội viên, đoàn viên tích cực tham gia các nội dung của phong trào xây dựng nông thôn mới; phát hiện, nhân rộng các điển hình trong phạm vi toàn Ngành.

c) Các đơn vị thuộc Bộ có nhiệm vụ:

- Căn cứ Kế hoạch (các nội dung công việc nêu tại phần phụ lục), trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, các đơn vị phối hợp với Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung, đảm bảo chất lượng, tiến độ.

- Thường xuyên theo dõi, bám sát tình hình thực tế ở các địa phương để tham mưu cho Lãnh đạo Bộ kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính

phủ những biện pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ sản xuất nông, lâm, thủy sản và xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn, góp phần tích cực vào tăng trưởng của ngành nông nghiệp.

d) Các Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

- Tham mưu cho lãnh đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương việc xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về nông thôn mới ở các địa phương.

- Rà soát, xây dựng kế hoạch và tập trung phân bổ vốn đầu tư cho các chương trình nông thôn mới ở địa phương.

- Nâng cao chất lượng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng mô hình nông thôn mới gắn với điều kiện thực tế ở từng địa phương, đơn vị.

- Huy động các nguồn lực, các doanh nghiệp địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào các dự án góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương, đem lại giá trị cao trong sản xuất nông nghiệp.

- Lồng ghép các nội dung trong Kế hoạch này với các nội dung thi đua xây dựng nông thôn mới ở các địa phương do tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phát động.

đ) Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất có trách nhiệm:

- Đẩy mạnh công tác quy hoạch xây dựng các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất gắn với quy hoạch đô thị nông thôn.

- Xây dựng cơ chế thu hút và khuyến khích phát triển các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động địa phương, không gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt các doanh nghiệp sản xuất, chế biến sản phẩm nông, ngư nghiệp.

- Phối hợp với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất có chính sách đào tạo nghề cho nông dân, nông thôn.

**3. Hàng năm, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng** Bộ tổ chức các đoàn kiểm tra đánh giá tình hình triển khai thực hiện phong trào thi đua của các đơn vị thuộc Bộ, ngành.

## **IV. TIÊU CHUẨN THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

### **1. Tiêu chuẩn thi đua**

*a) Đối với đơn vị, tập thể thuộc Bộ, ngành*

- Hoàn thành có chất lượng, đúng thời hạn các văn bản hướng dẫn xây dựng nông thôn mới được quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Bám sát thực tiễn, nghiên cứu bổ sung kịp thời các hướng dẫn và tham mưu cho Chính phủ,

Thủ tướng Chính phủ đề ra các cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới cho cơ sở;

- Có đăng ký và tham gia chỉ đạo, hỗ trợ làm chuyển biến rõ nét ít nhất một địa phương (xã, huyện, tỉnh) trong xây dựng nông thôn mới.

*b) Đối với cá nhân*

Cán bộ, công chức, viên chức nỗ lực bám sát cơ sở, có sáng kiến, giải pháp hữu ích trong việc xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách, hướng dẫn hoặc chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho cơ sở trong xây dựng nông thôn mới.

## **2. Hình thức khen thưởng**

*a) Khen thưởng hàng năm*

- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ lấy kết quả triển khai tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê chung sức xây dựng nông thôn mới” là một tiêu chí quan trọng khi đánh giá thi đua cho các đơn vị.

- Căn cứ kết quả thực hiện phong trào thi đua “Ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê chung sức xây dựng nông thôn mới” do Bộ phát động, hàng năm Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ sẽ lựa chọn một số đơn vị, cá nhân để biểu dương và đề nghị Bộ trưởng khen thưởng.

*b) Khen thưởng tổng kết giai đoạn 2012-2015*

Trên cơ sở tổng kết 5 năm thực hiện phong trào

thi đua, đề xuất của các đơn vị thuộc Bộ, Ngành, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét lựa chọn các tập thể và cá nhân có thành tích tiêu biểu để đề nghị Bộ trưởng khen thưởng; đồng thời lựa chọn một số tập thể, cá nhân đặc biệt xuất sắc trong số được Bộ trưởng khen thưởng để đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng Bằng khen, các loại danh hiệu vinh dự nhà nước khác.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Tiến độ triển khai

Phong trào thi đua “Ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê chung sức xây dựng nông thôn mới” do Bộ phát động được tổ chức thành hai giai đoạn:

#### *a) Giai đoạn 1 (2012-2015)*

- Năm 2012: Ban hành Kế hoạch và tổ chức phát động, đăng ký chỉ đạo điểm. Hoàn thành việc phát động và đăng ký chỉ đạo điểm Phong trào thi đua trong quý III năm 2012.

- Quý III năm 2013: Đánh giá việc chỉ đạo điểm, nhân rộng phong trào.

- Từ 2013-2015: Triển khai sâu rộng phong trào để thực hiện các nội dung kế hoạch. Tổ chức sơ kết các cấp trong năm 2015.

#### *b) Giai đoạn 2 (2016-2020)*

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả việc thực hiện Giai đoạn 1, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

Bộ tiếp tục triển khai Giai đoạn 2 của Phong trào thi đua và tổng kết vào năm 2020.

## **2. Kinh phí tổ chức phong trào thi đua và khen thưởng**

Được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020 và các nguồn lực hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

**3. Thành lập Ban chỉ đạo phong trào thi đua** “Ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê chung sức xây dựng nông thôn mới” do một đồng chí lãnh đạo Bộ làm Trưởng ban, đại diện lãnh đạo các đơn vị có liên quan làm thành viên. Ban chỉ đạo có trách nhiệm giúp Bộ trưởng chỉ đạo, đánh giá việc triển khai thực hiện phong trào trong toàn Ngành.

**4. Giao Vụ Thi đua - Khen thưởng** là đơn vị thường trực phong trào thi đua “Ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê chung sức xây dựng nông thôn mới”. Chủ trì, phối hợp với Vụ Kinh tế nông nghiệp đôn đốc, triển khai thực hiện Kế hoạch này, hàng năm báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ.

**5. Định kỳ 6 tháng, 1 năm, các đơn vị thuộc Bộ, Ngành báo cáo tình hình tổ chức thực hiện phong trào thi đua về Vụ Thi đua - Khen thưởng để tổng hợp, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ.**

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tiễn, theo đề nghị của các đơn vị thuộc Bộ, Ngành, Vụ Thi đua - Khen thưởng tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.



## *Phần IV*

# **MỘT SỐ MẪU VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

## **I. MỘT SỐ MẪU TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

### **1. Mẫu dự toán đầu tư công trình**

**UBND XÃ...  
BAN PHÁT TRIỂN  
THÔN...**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

..., ngày ... tháng ... năm 20 ...

### **DỰ TOÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH...**

**Kính gửi:** - Ủy ban nhân dân xã...  
- Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã...

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-UBND ngày  
.../.../... của Ủy ban nhân dân huyện... phê duyệt  
Đề án xây dựng nông thôn mới xã...;

Căn cứ Quyết định số... của Sở... tỉnh... về việc  
ban hành hướng dẫn thiết kế mẫu công trình...

Căn cứ...,

**I. Thôn lập dự toán đầu tư công trình  
như sau:**

1. Tên công trình:...
2. Chủ đầu tư:...
3. Quy mô công trình:...
4. Địa điểm xây dựng:...
5. Mục tiêu và nội dung đầu tư xây dựng (chỉ số  
kỹ thuật..., theo tiêu chuẩn...):...
6. Thời gian dự kiến khởi công - hoàn thành:...
7. Hình thức thi công (tự thực hiện hoặc thuê  
nhân công,...):...
8. Quy định về thanh quyết toán:...
9. Tổng hợp chi phí xây dựng (có thể lập thành  
biểu riêng, kèm theo):

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Định mức (cho 1 ĐVT)	Số lượng	Khối lượng	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	CHI PHÍ VẬT LIỆU (VL)							
1	Xi măng	Tấn						
2	Đá dăm	M=						
3	Cát	m <sup>3</sup>						
4	Thép	kg						
5	Gạch	viên						

6	Gỗ, ván khuôn	m <sup>3</sup>						
	...							
B	CHI PHÍ MÁY THI CÔNG (MTC)							
1	Máy trộn bê tông	ca						
2	Máy cắt uốn thép	ca						
3	Máy đầm bàn	ca						
	...							
C	CHI PHÍ NHÂN CÔNG (NC)							
1	Nhân công đào	công						
2	Nhân công đắp	công						
3	Nhân công đổ bê tông	công						
	...							
D	NỘI DUNG KHÁC (NẾU CÓ)							
<b>Tổng cộng</b>								

## II. Ban Phát triển thôn... đề nghị như sau:

1. Nhà nước hỗ trợ:

+ Khối lượng vật liệu...; tiền... triệu đồng;

+ Chi phí quản lý:... triệu đồng;

2. Dự kiến mức đóng góp của nhân dân:.... triệu đồng (nếu đóng góp nhân công, vật liệu... thì ghi rõ

và quy ra tiền), gồm: nhân công, vật liệu thi công, máy thi công, tiền mặt...

Ban Phát triển thôn... đề nghị Ủy ban nhân dân xã, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã, thẩm định và phê duyệt.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã;
- Tổ thẩm định...;
- Lưu....

**BAN PHÁT TRIỂN THÔN**

.....

*Ghi chú về thông tin bảng tổng hợp chi phí xây dựng:*

- (4) ở đây là định mức được quy định bởi cơ quan có thẩm quyền (hoặc tương đương giá thị trường) về lượng vật liệu, máy thi công, nhân công cho 1 đơn vị tính - ĐVT (1km kênh mương, 1km đường giao thông; 1 công trình nhà văn hóa...);

- (5) là số lượng thực tế của công trình (ví dụ: 3km đường, 2km kênh, 5 cống...);

- (6) là khối lượng (VL, MTC, NC) = (4) x (5);

- (7) là đơn giá VL, MTC, NC được quy định bởi cơ quan có thẩm quyền;

- (8) là tổng chi phí thành tiền = (6) x (7)

**2. Mẫu báo cáo kết quả thẩm định dự toán đầu tư công trình** (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 7-8-2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

..., ngày... tháng... năm 20...

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH**

***Kính gửi:*** Ủy ban nhân dân xã...

- Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21-3-2013 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

- Căn cứ Thông tư số 03/TT-BKHĐT ngày 7-8-2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21-3-2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

- Căn cứ Quyết định số... phê duyệt danh mục các dự án, công trình được thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù của Ủy ban nhân dân...;

- Căn cứ vào biên bản họp thẩm định...;

- Căn cứ...;

Sau khi thẩm định, Tổ thẩm định báo cáo kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự toán đầu tư công trình..., tại thôn... với các nội dung như sau (*gửi kèm theo dự toán đầu tư công trình*):

## **I. Nội dung:**

1. Tên công trình:...
2. Chủ đầu tư:...
3. Quy mô công trình:...
4. Địa điểm:...
5. Mục tiêu và nội dung đầu tư xây dựng (chỉ số kỹ thuật..., theo tiêu chuẩn...):...
6. Tổng vốn đầu tư:
  - Nguồn vốn ngân sách hỗ trợ:...
  - Nguồn vốn do dân góp:...
- ...
7. Thời gian thực hiện:...
8. Hình thức thi công (tự thực hiện hoặc thuê nhân công,...):...
9. Các nội dung khác (nếu có):...
- ...

## **II. Kiến nghị:**

1. Nội dung thống nhất:...
2. Nội dung chưa thống nhất (nếu có):...
3. Nội dung khác:...

.....

Tổ thẩm định kính trình Ủy ban nhân dân xã  
xem xét, phê duyệt.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã;
- Ban Phát triển thôn;
- Lưu....

**TM. TỔ THẨM ĐỊNH**

...

### **3. Mẫu đề án xây dựng nông thôn mới**

#### **ĐỀ ÁN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ...**

*(Giai đoạn: 2010-2020/2010-2015/năm...)*

#### **MỞ ĐẦU**

*Căn cứ pháp lý xây dựng đề án:*

- Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 5-8-2008 của Ban Chấp hành Trung ương khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Quyết định số 491/2009/QĐ-TTg ngày 16-4-2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Các tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật về nông thôn mới của các bộ, ngành liên quan.

#### **I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ NHÂN LỰC**

**1. Đặc điểm tự nhiên:** Vị trí địa lý, diện tích tự nhiên và đặc điểm địa hình, khí hậu.

#### **2. Tài nguyên:**

a) *Đất đai:* Diện tích tự nhiên, diện tích đất đai các loại (căn cứ vào phân loại đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường để đánh giá).

*b) Rừng:* Diện tích rừng các loại, phân bố quản lý các loại rừng nhà nước, hợp tác xã, hộ gia đình...

*c) Mặt nước:* Diện tích mặt nước (bao gồm hồ, ao, sông suối, mặt nước biển); diện tích đang sử dụng để nuôi trồng thủy sản.

*d) Khoáng sản* (nếu có)

Chú ý: Cần đánh giá sơ bộ về tiềm năng phát triển rừng, tài nguyên đất, nước với sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và phục vụ dân sinh.

**3. Nhân lực:** Tổng số hộ; nhân khẩu; số lao động trong độ tuổi; giới tính, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, cơ cấu lao động, số nhân lực đang trong độ tuổi lao động đi làm việc ngoài địa phương...

Đánh giá sơ bộ về đặc điểm lao động, những thuận lợi, khó khăn đối với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai.

**4. Đánh giá tiềm năng của xã** (phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội...): Đánh giá các tiềm năng phát triển và lợi thế của địa phương.

## II. THỰC TRẠNG XÃ THEO 19 TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

Dựa theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới và hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương tiến hành rà soát, đánh giá mức độ đạt nội dung của các tiêu chí trên địa bàn vào thời điểm cuối năm 2010.



**1. Quy hoạch và hiện trạng quy hoạch của xã:** Đánh giá trình trạng các quy hoạch đã có (quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển hạ tầng, kinh tế - xã hội và quy hoạch các khu dân cư...), trong đó làm rõ:

- Những quy hoạch đã có không cần phải bổ sung.
  - Những quy hoạch còn thiếu cần phải xây dựng mới theo yêu cầu.
  - Những quy hoạch cần phải bổ sung, điều chỉnh.
- So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 1 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

## **2. Hạ tầng kinh tế - xã hội**

*a) Giao thông:* Hiện trạng hệ thống đường giao thông của xã (đường trục xã, liên xã; đường trục thôn, xóm; đường ngõ, xóm và đường trục chính nội đồng):... km. Trong đó:

- Đường giao thông đã được cứng hóa hoặc nhựa hóa (theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải):... km; so với tổng số:... %.

- Đường xe cơ giới có thể đi lại thuận tiện:... km; so với tổng số:... %.

- Đường ngõ xóm sạch, không lầy lội vào mùa mưa:... km; so với tổng số:... %.

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 2 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

### *b) Thủy lợi*

- Mô tả hệ thống công trình thủy lợi trên địa

bàn xã, bao gồm: các hồ, đập, kênh mương, trạm bơm tưới, tiêu kết hợp, đê, kè, cống...

- Hiện trạng và số kilômét kênh mương đã được cứng hóa/tổng số kilômét.

- Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu tưới, tiêu và cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt, phòng chống bão, lũ...

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 3 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

#### *c) Điện*

- Số trạm biến áp... trong đó số trạm đạt yêu cầu..., số trạm cần nâng cấp..., số trạm cần xây dựng mới...

- Số kilômét đường dây hạ thế..., trong đó... km đạt chuẩn,... km cần cải tạo, nâng cấp,... km cần xây dựng mới.

- Tỷ lệ hộ dùng điện...%.

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 4 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

#### *d) Trường học*

Mô tả số trường học, phòng học trên địa bàn và mức độ đạt chuẩn của các trường, như sau:

- *Trường mầm non:*

- + Số phòng học đã có..., số phòng chưa đạt chuẩn...

- + Số phòng chức năng đã có..., số còn thiếu...

- + Số diện tích sân chơi, bãi tập đã có... m<sup>2</sup>, số còn thiếu... m<sup>2</sup>.

- *Trường tiểu học:*

- + Số phòng học đã có..., số phòng chưa đạt chuẩn...
- + Số phòng chức năng đã có..., số còn thiếu...
- + Số diện tích sân chơi, bãi tập đã có... m<sup>2</sup>, số còn thiếu... m<sup>2</sup>.

- *Trường trung học cơ sở:*

- + Số phòng học đã có..., số phòng chưa đạt chuẩn...
- + Số phòng chức năng đã có..., số còn thiếu...
- + Số diện tích sân chơi, bãi tập đã có... m<sup>2</sup>, số còn thiếu... m<sup>2</sup>.

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 5 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

*đ) Cơ sở vật chất văn hóa*

- Số trung tâm văn hóa xã, thôn: Số trung tâm đã có..., số chưa đạt chuẩn..., số đã đạt chuẩn..., trong đó: Số trung tâm cần nâng cấp..., số trung tâm cần xây mới...

- Khu thể thao của xã, thôn: Số khu thể thao đã có..., số đạt chuẩn..., số chưa đạt chuẩn..., trong đó: Số khu cần nâng cấp..., số cần xây mới...

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 6 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

*e) Chợ:* Số chợ đã có... m<sup>2</sup>, trong đó đạt chuẩn... m<sup>2</sup>. Cần nâng cấp... m<sup>2</sup>, cần xây mới... m<sup>2</sup>. So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 7 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

*g) Bưu điện*

- Đã đạt chuẩn..., chưa đạt chuẩn..., cần nâng cấp..., cần xây mới...

- Số thôn có điểm truy cập internet công cộng..., chiếm...% tổng số thôn.

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 8 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

*h) Nhà ở dân cư nông thôn*

- Số nhà tạm, dột nát..., tỷ lệ...%.

- Tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố...%.

Đánh giá tình trạng chung về xây dựng nhà ở dân cư so với tiêu chí 9 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

**3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất**

*a) Kinh tế*

- Cơ cấu kinh tế; tỷ trọng hàng hóa.

- Thu nhập bình quân đầu người/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo.

So sánh mức độ đạt được so với tiêu chí 10, 11 của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

*b) Lao động*

- Số lao động trong độ tuổi.../tổng số dân.

- Cơ cấu lao động (%) theo các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ...

- Lao động phân theo kiến thức phổ thông: Tiểu học... %; trung học cơ sở... %; trung học phổ thông...%;...

- Tỷ lệ lao động được đào tạo chuyên môn so với tổng số lao động:

+ Sơ cấp (3 tháng trở lên)... %.

+ Trung cấp... %.

+ Đại học... %.

+ Tỷ lệ số lao động sau khi đào tạo có việc làm/tổng số đào tạo...%.

*c) Hình thức tổ chức sản xuất*

- Tổng số trang trại..., phân loại theo lĩnh vực.

Tổng số lao động trong các trang trại là... người.

- Tổng số doanh nghiệp sản xuất, chế biến nông sản, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ..., tổng số lao động tham gia... người.

- Xã có... hợp tác xã và... tổ hợp tác (sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ)..., trong đó có... hợp tác xã và... tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả, tổng số lao động tham gia... người.

#### **4. Văn hóa - xã hội và môi trường**

*a) Văn hóa - giáo dục*

- Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn làng văn hóa...%.

- Mức độ phổ cập giáo dục trung học đã đạt hay chưa đạt.

- Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)...%/tổng số học sinh trong độ tuổi.

*b) Y tế*

- Trạm y tế đã đạt chuẩn hay chưa đạt.
- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế...%.

*c) Môi trường:*

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh...%.
- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn...%.
- Tỷ lệ hộ có cơ sở chăn nuôi hợp vệ sinh...%.
- Xử lý chất thải: đã tổ chức hay chưa tổ chức thu gom rác và xử lý.
- Số kilômét rãnh thoát nước trong thôn xóm..., trong đó... km chưa đạt yêu cầu tiêu thoát nước.
- Tỷ lệ cơ sở sản xuất chưa đạt tiêu chuẩn môi trường...%.
- Nghĩa trang: đã có quy hoạch và có quy chế quản lý chưa?
- Tình hình chung về môi trường và quản lý môi trường trên địa bàn xã.
- Mức độ phổ cập giáo dục trung học.

**5. Hệ thống chính trị**

- Hiện trạng đội ngũ cán bộ xã và so với chuẩn.
- Tình hình hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở.
- Tình hình trật tự xã hội an ninh trên địa bàn.

## **6. Đánh giá thực trạng các chương trình, dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã**

- Số lượng, nội dung các chương trình, dự án đang triển khai trên địa bàn.

- Tình hình lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn; thuận lợi, khó khăn khi lồng ghép.

- Tổng các nguồn lực theo các chương trình, dự án đã đầu tư trên địa bàn, trong đó nêu rõ vốn Trung ương, vốn ngân sách địa phương đối ứng, vốn dân đóng góp và những nguồn tài trợ khác.

Đánh giá khái quát những khó khăn, hạn chế trong việc huy động nội lực vốn đầu tư... Rút ra kinh nghiệm cần áp dụng cho giai đoạn sau.

## **7. Kết luận chung**

- Đánh giá khái quát những mặt đạt được và chưa đạt được trong xây dựng nông thôn trên địa bàn xã.

- Nêu rõ số chỉ tiêu đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Phân tích những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, kinh nghiệm trong chỉ đạo phát triển nông thôn trước đây cần được áp dụng cho xây dựng nông thôn mới trong thời gian tới.

## **III. NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA XÃ... GIAI ĐOẠN 2010-2020**

Từ việc rà soát, đánh giá thực trạng nông thôn

của xã, căn cứ vào yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới để xác định chỉ tiêu và kế hoạch xây dựng nông thôn mới theo từng mốc thời gian cụ thể từ nay đến năm 2015, như sau:

## **1. Chỉ tiêu chủ yếu xây dựng nông thôn mới**

...

## **2. Thuyết minh cụ thể kế hoạch (giải pháp để thực hiện)**

Căn cứ vào đánh giá thực trạng và quy hoạch, đối chiếu với Bộ tiêu chí, xác định rõ những hạng mục khối lượng từng loại công trình cần nâng cấp hoặc xây dựng mới đến năm 2020, tận dụng tối đa các công trình hiện có. Đồng thời, xác định rõ các nội dung và những giải pháp để phấn đấu đạt các tiêu chí nông thôn mới, chia theo các nội dung sau:

### *a) Hoàn chỉnh quy hoạch nông thôn mới*

- Tổ chức rà soát bổ sung các loại quy hoạch theo các tiêu chí nông thôn mới, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Làm rõ các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch.

### *b) Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn*

#### *- Giao thông:*

+ Cải tạo nâng cấp:... km, bao gồm:... km trục liên thôn;... km trục liên thôn, xóm;... km trục liên gia (xóm);... km ngõ.

+ Xây dựng mới:... km, bao gồm:... km trục liên



thôn;... km trục liên thôn, xóm;... km trục liên gia (xóm);... km ngõ.

+ Giải pháp (vốn, huy động nội lực, chính sách sẽ áp dụng...) để thực hiện những nội dung trên.

- *Thủy lợi:*

+ Nêu chi tiết và cụ thể các công việc cần phải làm để bổ sung nội dung còn thiếu nhằm đạt tiêu chí nông thôn mới như số kilômét kênh mương cần kiên cố hóa; số trạm bơm cần xây mới; số kilômét kênh mương cần nạo vét, tu sửa...

+ Giải pháp (vốn, huy động nội lực, chính sách sẽ áp dụng...) để thực hiện những nội dung trên.

- *Điện:*

+ Nêu chi tiết và cụ thể các công việc cần thực hiện để đạt tiêu chí nông thôn mới như số kilômét đường dây điện cần cải tạo, xây mới; số trạm biến áp cần thay thế, làm mới; số đồng hồ điện cần phải lắp ráp...

+ Giải pháp (vốn, huy động nội lực, chính sách sẽ áp dụng...) để thực hiện những nội dung trên.

*c) Phát triển sản xuất hàng hóa và các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả để tăng thu nhập cho người dân*

- Căn cứ vào tiềm năng, lợi thế và quy hoạch của từng địa phương, xác định nội dung, các giải pháp chủ yếu nhằm chuyển dịch cơ cấu, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm hộ nghèo ở địa phương đạt các tiêu chí từ 10 đến 12.

- Lựa chọn những hình thức tổ chức sản xuất phù hợp để thúc đẩy phát triển sản xuất.

+ Phát triển trang trại: Mỗi xã quy hoạch vùng đất cho công nghiệp, dịch vụ, chăn nuôi tập trung.

+ Đổi mới tổ chức, nội dung hoạt động cho hợp tác xã theo hướng hợp tác xã kinh doanh tổng hợp bao gồm: hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật; sản xuất giống; cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm; dịch vụ sản xuất và đời sống. củng cố các tổ dịch vụ kỹ thuật cho sản xuất, chế biến nông sản, sửa chữa điện, cơ khí để có thể làm dịch vụ, thuận tiện, hiệu quả theo yêu cầu của các hộ.

+ Tổ chức một số chương trình liên kết sản xuất, chế biến sản phẩm có sự tham gia của hợp tác xã, nông dân (hoặc khu trang trại) với doanh nghiệp nhà khoa học trong sản xuất, chế biến nông sản.

- Khuyến khích phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nông thôn.

- Giải pháp để thực hiện nội dung này.

*d) Phát triển văn hóa, xã hội và môi trường*

- *Giáo dục:*

+ Tập trung xây dựng, chuẩn hóa các trường theo tiêu chí của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bổ sung giáo viên đủ và đạt chuẩn, nếu thiếu phải có kế hoạch bồi dưỡng giáo viên đạt chuẩn.

+ Có chính sách khuyến khích trẻ em trong độ tuổi đến trường, thực hiện phổ cập giáo dục trung

học, nâng cao tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề).

- *Đào tạo:*

+ Tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp cho nông dân.

+ Xây dựng kế hoạch để đào tạo nghề cho nông dân để chuyển lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

+ Kiến thức tổ chức sản xuất và thị trường cho cán bộ hợp tác xã, các chủ trang trại.

+ Đào tạo kiến thức phát triển nông thôn cho cán bộ đảng, chính quyền, các đoàn thể từ xã đến các thôn, đặc biệt là Hội đồng nhân dân xã.

- *Bảo vệ và cải thiện môi trường nông thôn:*

+ Biện pháp nâng cao tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh.

+ Tăng cường hình thức tổ chức các hoạt động thu gom xử lý chất thải, tiêu thoát nước, quản lý nghĩa trang, trồng cây xanh, tổ chức vệ sinh thôn xóm...

- *Y tế:*

+ Xây dựng hạ tầng về y tế đảm bảo đạt chuẩn.

+ Tổ chức xây dựng mạng lưới y tế ở thôn, bản...

+ Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bổ sung cán bộ y tế đủ và đạt chuẩn.

+ Tổ chức người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế.

+ Thường xuyên tổ chức các đợt tiêm phòng, phòng dịch trong cộng đồng.

- *Phát triển văn hóa:*

+ Xây dựng định hướng phát triển văn hóa theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Xây dựng các cơ chế, chính sách để xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, dịch vụ.

+ Phát động và nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.

- Giải pháp để thực hiện.

*đ) Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở*

- Rà soát, xác định rõ vai trò của mỗi tổ chức trong xây dựng nông thôn mới, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của đảng bộ trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng nói chung và xây dựng nông thôn mới nói riêng.

- Thực hiện việc chuẩn hóa đội ngũ cán bộ đảng, chính quyền các đoàn thể từ xã đến các thôn, xóm.

### **3. Vốn và nguồn vốn**

Căn cứ vào nội dung thực hiện và nhu cầu vốn để thực hiện các tiêu chí nông thôn mới để xác định được nhu cầu vốn, như sau:

*a) Vốn dự kiến*

Nội dung	Giai đoạn 2010 - 2020	Giai đoạn 2010 - 2015	Vốn hàng năm					
			2010	2011	2012	...	...	2015
Tổng vốn								
1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản								
- Giao thông								
- Thủy lợi								
...								
2. Vốn phát triển sản xuất								
- Nông nghiệp								
- Lâm nghiệp								
...								
3. Vốn cho hoạt động khác								

*(Các nội dung cần chi tiết hóa)*

*b) Nguồn vốn*

Cơ cấu đầu tư	Tổng vốn (triệu đồng)	Vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					Lồng ghép từ các chương trình, dự án khác
		Ngân sách	Doanh nghiệp	Dân góp	Tín dụng	Khác	
Tổng vốn							
1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản							
2. Vốn phát triển sản xuất							
3. Vốn cho hoạt động khác							

*(Các nội dung cần chi tiết hóa)*

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**1.** Tổ chức quán triệt trong chính quyền và người dân ở các xã về nội dung xây dựng nông thôn mới.

**2.** Tổ chức triển khai các công việc theo kế hoạch được duyệt: Phân công cho từng tập thể và cá nhân lãnh đạo phải chịu trách nhiệm một số nội dung của đề án.

**3.** Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm các mô hình nông thôn mới trong và ngoài địa phương.

**4.** Tổ chức giám sát, đánh giá hoạt động và kết quả thực hiện.

**5.** Báo cáo định kỳ (hoặc đột xuất) tình hình thực hiện lên cấp trên.

**TM. BAN QUẢN LÝ XÃ**

**Chủ tịch**

...

## **4. Mẫu đồ án quy hoạch nông thôn mới**

### **ĐỒ ÁN QUY HOẠCH NÔNG THÔN MỚI XÃ...**

*(Giai đoạn 2010-2020)*

#### **I. MỞ ĐẦU**

##### **1. Lý do và sự cần thiết**

Nêu khái quát về các mặt:

- Vị trí xã trong huyện, tỉnh;

- Tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội của xã;
- Ảnh hưởng của thiên tai (nếu có);
- Những bất cập và yêu cầu phát triển của xã theo yêu cầu xây dựng nông thôn mới (quy hoạch xây dựng và phát triển đời sống, kinh tế - xã hội...).

## **2. Mục tiêu**

- Đảm bảo cho việc phát triển kinh tế - xã hội bền vững đáp ứng được yêu cầu hiện đại hóa nông thôn về sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, phát triển dịch vụ.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cải tạo và chỉnh trang làng xóm, phải có cảnh quan đẹp, nâng cao hưởng thụ cho cư dân cộng đồng.

- Giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa, tập quán của địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đối với những địa phương thường xuyên bị thiên tai (nếu có).

## **3. Phạm vi lập quy hoạch**

- Các mốc thời gian thực hiện quy hoạch (phân kỳ theo giai đoạn 5-10 năm, ví dụ: 2010-2015; 2015-2025).

- Phạm vi đối với quy hoạch chung xã bao gồm ranh giới toàn xã.

- Phạm vi đối với quy hoạch chi tiết thì không bao gồm toàn xã mà tập trung vào điểm dân cư nông thôn hoặc khu cần quy hoạch chi tiết.



#### **4. Cơ sở lập quy hoạch**

- Cơ sở pháp lý:

+ Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 5-8-2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN01: 2008/BXD).

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn (QCVN14 : 2009/BXD).

+ Tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng nông thôn ban hành theo Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10-9-2009 của Bộ Xây dựng.

+ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16-4-2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới (và Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20-2-2013 của Thủ tướng Chính phủ về Sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới).

+ Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 4-10-2013 hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

+ Quyết định số 2933/BGTVT-KHĐT ngày 11-5-2009 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn tiêu chí nông thôn mới trong lĩnh vực giao thông nông thôn.

+ Một số quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có).

- Thực trạng xã và các yêu cầu xây dựng nông thôn mới của xã.

- Các tài liệu cơ sở khác: kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; các quy hoạch chuyên ngành; bản đồ nền hiện trạng.

- Căn cứ thực trạng kinh tế - xã hội, điều kiện của địa phương.

## II. ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG

**1. Điều kiện tự nhiên** (cần lưu ý đến những vùng miền có những đặc thù)

- Địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng... và các điều kiện tự nhiên khác.

- Vấn đề thiên tai: Đối với các xã chịu ảnh hưởng thiên tai cần nhấn mạnh thiên tai gì? Diễn biến của thiên tai và nguyên nhân.

### **2. Hiện trạng kinh tế - xã hội**

- Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chính thể hiện phản ánh tình trạng của xã (cơ cấu kinh tế, y tế, giáo dục, tổng thu nhập xã, thu nhập bình quân của người, hộ dân, tỷ lệ hộ nghèo...).

- Tình hình phát triển kinh tế trong các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp (điều tra đánh giá các vấn đề liên quan đến quy hoạch xây dựng như nhu cầu đất đai cho sản xuất, các

công trình sản xuất và phục vụ sản xuất...), tiềm năng và các hạn chế trong phát triển kinh tế.

- Xã hội: Tổng số hộ và khẩu theo các thôn, tỷ lệ tăng giảm tự nhiên và cơ học; tỷ lệ hộ làm nông nghiệp, dịch vụ thương mại, tiểu thủ công nghiệp, cơ cấu lao động; dân trí; tỷ lệ dân tộc. Đánh giá lợi thế và hạn chế về các mặt dân số, lao động, việc làm trong xã.

- Văn hóa: Đặc điểm tôn giáo, tín ngưỡng; đặc điểm về văn hóa, phong tục tập quán.

### **3. Hiện trạng sử dụng đất**

- Thống kê hiện trạng đất đai (đất nông nghiệp, đất ở, đất công cộng, đất cây xanh, thể thao...).

- Nhận xét, đánh giá về cơ cấu sử dụng đất, hiệu quả sử dụng đất, các vấn đề về sử dụng đất đang tồn tại cần giải quyết.

- Đánh giá thuận lợi, không thuận lợi cho việc phát triển, xây dựng (đối với yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới).

### **4. Hiện trạng không gian kiến trúc và hạ tầng cơ sở**

- Nhà ở: Hiện trạng không gian ở thôn, xóm (mật độ xây dựng, khuôn viên mỗi hộ); hiện trạng nhà ở (nhà kiên cố, bán kiên cố, nhà tạm).

- Các công trình tôn giáo, tín ngưỡng (đình, đền chùa, nhà thờ).

- Cảnh quan: cây đa, bến nước, sân đình.

- Tình trạng kỹ thuật và kiến trúc các công trình công cộng (cơ quan, trường học, trạm y tế, chợ, nhà văn hóa, công trình cấp điện, cấp nước, cấp thoát nước và vệ sinh môi trường...) có gì phù hợp và không phù hợp với yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Các chương trình, dự án ở địa bàn của xã đang triển khai (dự án xây dựng; điện, đường, trường trạm...); phân tích các dự án chuẩn bị đầu tư có liên quan về mối liên hệ và tác động đến khu vực quy hoạch. Tính hiệu quả và sự phù hợp của các chương trình, dự án với mục tiêu đặt ra có phù hợp hay không.

- Các vấn đề khác: Tùy thuộc vào tính chất, đặc trưng của khu vực để bổ sung các nội dung nghiên cứu sâu hơn như các nội dung liên quan đến thiên tai, về bảo tồn, về môi trường, quản lý...

## **5. Đánh giá tổng hợp**

Đánh giá tổng hợp phân hiện trạng về các mặt thuận lợi, khó khăn trong phát triển xã về không gian, sử dụng đất, dân số, xã hội, cơ sở hạ tầng... và nêu các mặt đạt được và chưa đạt được theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Các vấn đề lớn cần giải quyết trong đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

### **III. CÁC DỰ BÁO PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

#### **1. Các mối liên hệ về giao thông**

Các quy hoạch (khu nông nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp, du lịch,...) của khu vực sẽ ảnh hưởng đến xã; mối liên hệ của các đồ án quy hoạch khác trong vùng liên quan đến xã.

#### **2. Dự báo dân số**

Dự báo quy mô dân số, số hộ toàn xã và từng thôn cho các giai đoạn 5-10 năm (ví dụ 2010-2015 và 2015-2020). Dự báo di dân, nhập cư...

#### **3. Dự báo lao động**

Dự báo quy mô lao động cho toàn xã và theo các ngành sản xuất kinh tế trong xã (nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại) cho các giai đoạn 5-10 năm.

#### **4. Dự báo quy hoạch sử dụng đất**

Quy mô các loại đất như đất nông nghiệp (nông, lâm, ngư nghiệp), đất cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, đất ở, đất sông suối, đất dành dự phòng cho hạ tầng khác... cho các giai đoạn đến năm 2015, 2020 (trong đó đất ở mới cho các giai đoạn nêu trên sẽ được phân bổ cụ thể ở các thôn, xóm nào?).

#### **5. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật sẽ áp dụng trong quy hoạch**

Theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới và

các quy chuẩn do các bộ, ngành liên quan áp dụng cho quy hoạch và xây dựng ở nông thôn.

#### IV. NỘI DUNG QUY HOẠCH NÔNG THÔN MỚI

Quy hoạch xã phải gắn kết với quy hoạch chung của huyện, nhất là quy hoạch giao thông, thủy lợi, quy hoạch sản xuất công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp. Quy hoạch nông thôn mới ở xã thường tập trung vào ba nội dung chủ yếu gồm:

##### 1. Quy hoạch chung

Quy hoạch chung là định hướng phát triển không gian xã. Thời hạn quy hoạch là 10-15 năm, bao gồm:

- Xác định quỹ đất dành cho phát triển dân cư: gồm chỉnh trang điểm dân cư đã có, di chuyển đưa về tập trung đối với các điểm dân cư nhỏ lẻ, các khu vực quy hoạch mới đáp ứng dân dân tương lai đến năm 2020 và trong những năm sau.

- Xác định mạng lưới các công trình hạ tầng kỹ thuật trong các điểm dân cư cũ và mới; các công trình công cộng phục vụ văn hóa, xã hội, môi trường; các công trình công cộng phục vụ sản xuất. Trong đó công trình cần mở rộng, nâng cấp hoặc xây dựng mới (có xác định rõ diện tích cụ thể và vị trí kèm theo).

- Phân vùng khu vực sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung sản xuất hàng hóa như: vùng

chuyên canh lúa, chuyên canh màu, kết hợp lúa và màu, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung với hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo như: thủy lợi, trạm bơm tưới tiêu, đường điện, giao thông nội đồng... đáp ứng yêu cầu cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp.

- Xác định các khu đất dành mở mang khu công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật kèm theo.

## **2. Quy hoạch chi tiết**

a) Quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã, các công trình cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật chủ yếu và điểm dân cư tập trung.

b) Chỉnh trang các khu dân cư tập trung hiện có, quy hoạch xây dựng mới hoặc khu tái định cư nông thôn.

- Cần xác định rõ: Chỉnh trang nâng cấp hạ tầng theo chuẩn: phải mở rộng diện tích bao nhiêu phạm vào nhà dân hoặc các công trình khác, giải pháp di chuyển các công trình này; khu dân cư mới với các điểm bố trí xen ghép thì bố trí đất ở ra sao, hạ tầng kèm theo là gì; khu tái định cư nông thôn: bố trí lô đất, hạ tầng kèm theo là gì?

- Chỉnh trang hạ tầng khu dân cư gồm: Giao thông, điện, trường học các cấp, trụ sở, nhà ở, hệ thống thoát nước thải, khu xử lý rác thải, nghĩa địa.

Những điểm cần lưu ý khi quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc điểm dân cư tập trung. Khi quy hoạch đất xây dựng các công trình hạ tầng xã hội và đất ở phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Không bị ô nhiễm môi trường do các chất thải công nghiệp.

- Không nằm trong khu vực cấm xây dựng.

c) Quy hoạch chi tiết sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp.

Nội dung quy hoạch sản xuất nông nghiệp cấp xã bao gồm: Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp; bố trí sử dụng đất sản xuất nông nghiệp và quy hoạch cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp; quy hoạch phát triển giống, cây trồng, vật nuôi chủ lực phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường của địa phương.

- *Quy hoạch sản xuất nông nghiệp:*

- + Trồng trọt: Bố trí cơ cấu diện tích sản xuất các loại cây trồng chủ yếu trên địa bàn xã: quy mô, vị trí từng loại cây trồng ngắn ngày và dài ngày; dự báo khả năng sản xuất, sản lượng thu hoạch các loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn xã theo từng giai đoạn; định hướng phát triển đầu ra cho sản phẩm; xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung để đầu tư sản xuất (thâm canh, bán thâm canh và quảng canh).



+ Chăn nuôi: Xác định những vật nuôi chủ yếu và có lợi thế trên địa bàn xã, quy hoạch phát triển chăn nuôi trang trại, công nghiệp quy mô phù hợp, xa khu dân cư để kiểm soát được dịch bệnh, hạ giá thành sản phẩm, cải thiện môi trường sinh thái; dự báo khả năng sản xuất, sản lượng thu hoạch các loại vật nuôi trên địa bàn xã theo từng giai đoạn; định hướng phát triển đầu ra cho sản phẩm.

+ Bố trí sử dụng đất: Thiết kế phân chia khoảnh, lô, thửa sản xuất: kích thước phải thuận lợi, phù hợp cho phát triển cây trồng, vật nuôi; cho quản lý sản xuất và phải phù hợp với địa hình của khu sản xuất. Hệ thống đai rừng phòng hộ đáp ứng được yêu cầu phòng hộ, an toàn cho các công trình liên quan, kết hợp với nương, bờ, đường lô để tiết kiệm đất, kết hợp lợi ích phòng hộ với tác dụng kinh tế khác.

+ Xác định nhu cầu vốn cho sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ sản xuất nông nghiệp cho giai đoạn 2010-2015 và khái toán cho giai đoạn 2016-2020.

+ Các giải pháp thực hiện quy hoạch:

- Giải pháp về dồn điền, đổi thửa đất sản xuất.
- Giải pháp về khuyến nông, về khoa học công nghệ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật: cách thức tuyên truyền nhân rộng mô hình khuyến nông; kỹ thuật nuôi trồng, chăm sóc - giống, thức ăn, canh

tác, bảo vệ thực vật, thú y; hình thức tổ chức - câu lạc bộ khuyến nông.

- Giải pháp về phát triển nguồn giống, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y.

- Giải pháp về tổ chức hợp tác để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm: nhóm nông dân cùng sở thích, liên kết...

- Giải pháp về xây dựng các dịch vụ cộng đồng về tiếp thị nông sản và vật tư nông nghiệp.

- Giải pháp về vốn: tạo nguồn vốn qua huy động sự tham gia của người dân, các tổ chức và cộng đồng, vốn vay và nguồn hỗ trợ khác để phát triển sản xuất.

- Giải pháp xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất quy mô vừa và nhỏ: huy động sự tham gia của cộng đồng...

- *Quy hoạch sản xuất lâm nghiệp:*

Kiểm kê xác định rõ diện tích các loại rừng trên địa bàn xã, diện tích đất có khả năng trồng rừng, tình hình quản lý rừng. Diện tích rừng đã giao cho dân, diện tích rừng do các tổ chức kinh tế, xã hội quản lý:

+ Cụ thể hóa quy hoạch rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn xã làm cơ sở để chủ rừng tiến hành cắm mốc ranh giới và quản lý theo quy chế quản lý rừng hiện hành.

+ Đối với diện tích quy hoạch là rừng sản xuất: Xây dựng phương án và kế hoạch phát triển rừng

cấp xã ngắn hạn (hàng năm), trung hạn và dài hạn tới từng lô, khoảnh thuộc từng chủ sở hữu khác nhau. Định hướng phát triển đầu ra cho sản phẩm từ rừng sản xuất.

+ Bố trí sử dụng đất: Thiết kế phân chia khoảnh, lô, thửa sản xuất: kích thước phải thuận lợi, phù hợp cho phát triển cây rừng, cho quản lý sản xuất và phải phù hợp với địa hình của khu sản xuất.

+ Xác định nhu cầu vốn cho sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ sản xuất lâm nghiệp cho giai đoạn 2010-2015 và khái toán cho giai đoạn 2016-2020.

+ Các giải pháp thực hiện quy hoạch:

- Giải pháp về tổ chức bộ máy: Đối với những xã có diện tích đất lâm nghiệp lớn hơn 5.000 ha cần có một cán bộ chuyên trách lâm nghiệp và thành lập ban lâm nghiệp xã;

- Giải pháp về chính sách đất đai: Gồm rà soát quy hoạch ba loại rừng, giao đất, giao rừng cho cá nhân và các tổ chức sử dụng ổn định lâu dài;

- Giải pháp về vốn, tín dụng: Tạo vốn qua huy động vốn tự có, vốn vay, ngân sách nhà nước, các dự án quốc tế và các nguồn hỗ trợ khác cho phát triển lâm nghiệp;

- Giải pháp về thị trường và tiêu thụ sản phẩm: Liên doanh xây dựng vùng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến, hợp tác và phát triển thị trường tiêu

thụ sản phẩm từ gỗ và các sản phẩm lâm nghiệp ngoài gỗ;

- Về khoa học công nghệ: Nghiên cứu và áp dụng các giải pháp quản lý rừng hiệu quả, áp dụng kỹ thuật mới, kỹ thuật thâm canh cao, sử dụng giống mới có năng suất và chất lượng cao trong sản xuất lâm nghiệp thông qua phát triển hệ thống khuyến nông các cấp;

- Giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng: Gồm cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho phát triển lâm nghiệp;

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng và người dân về bảo vệ và phát triển rừng.

- *Quy hoạch sản xuất thủy sản:*

Kiểm kê, đánh giá diện tích mặt nước, đất sử dụng trong nuôi trồng thủy sản và có khả năng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã như: ao hồ nhỏ, hồ tự nhiên, đầm phá, vũng vịnh, bãi triều, ruộng trũng, ruộng nhiễm mặn, đất cát ven biển và đất bãi bồi... có khả năng phát triển nuôi trồng thủy sản.

Dự báo khả năng sản xuất, sản lượng thu hoạch các loại sản phẩm thủy sản trên địa bàn xã theo từng giai đoạn. Định hướng phát triển đầu ra cho sản phẩm.

Bố trí sử dụng diện tích đất, mặt nước cho sản xuất thủy sản:

+ Bố trí quy mô diện tích nuôi trồng từng loại sản phẩm thủy sản gắn với từng phương thức nuôi và điều kiện trên từng địa bàn, các chỉ tiêu cho giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020.

+ Xây dựng khu nuôi trồng thủy sản hàng hóa thâm canh phải tuân thủ nghiêm ngặt về quy định vùng nuôi an toàn và tiêu chuẩn quốc gia về nuôi công nghiệp.

+ Thiết kế phân chia khoảnh, lô, thửa sản xuất và hệ thống ao chứa, lắng, xử lý nước: kích thước phải thuận lợi, phù hợp cho phát triển khu nuôi trồng, cho quản lý sản xuất và phải phù hợp với địa hình của khu nuôi trồng.

+ Thiết kế phân lô, thửa phải thuận lợi cho việc cung cấp các dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm; xử lý nguồn nước và bảo vệ môi trường.

+ Xác định nhu cầu vốn cho sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ nuôi trồng thủy sản và sản xuất giống cho giai đoạn 2010-2015 và khái toán cho giai đoạn 2016-2020.

+ Các giải pháp thực hiện quy hoạch:

- Giải pháp về giao đất, cho thuê đất, diện tích ao hồ có mặt nước.

- Giải pháp về phát triển nguồn giống, thức ăn và thuốc thú y thủy sản.

- Về tổ chức hợp tác để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Giải pháp về vốn: tạo nguồn vốn qua huy động vốn tự có, vốn vay và nguồn hỗ trợ khác để phát triển sản xuất.

- Giải pháp xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển thủy sản quy mô vừa và nhỏ: huy động sự tham gia của cộng đồng.

- *Quy hoạch phát triển diêm nghiệp:*

- + Bố trí quy mô diện tích sản xuất muối, dự kiến sản lượng muối thu hoạch từng vụ sản xuất trong năm. Bố trí quy hoạch sản xuất hàng năm giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020 với tất cả các chỉ tiêu chính của sản xuất và tiêu thụ muối.

- + Bố trí sử dụng đất:

- Thiết kế phân chia khoảnh, lô, thửa sản xuất: kích thước phải thuận lợi cho phát triển sản xuất, phù hợp với địa hình của khu sản xuất.

- Thiết kế phân lô, thửa phải thuận lợi cho việc cung cấp các dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm; xử lý nguồn nước và bảo vệ môi trường.

- + Xác định nhu cầu vốn cho sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ muối giai đoạn 2010-2015 và khái toán cho giai đoạn 2016-2020.

- + Các giải pháp thực hiện quy hoạch:

- Giải pháp về giao đất, cho thuê đất;
    - Tổ chức hợp tác sản xuất;
    - Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ muối;

- Xây dựng kế hoạch tiêu thụ muối, định hướng thị trường tiêu thụ;

- Giải pháp về vốn: tạo nguồn vốn qua huy động vốn tự có, vốn vay và nguồn hỗ trợ khác để phát triển sản xuất;

- Giải pháp xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ muối quy mô vừa và nhỏ: huy động sự tham gia của cộng đồng.

- *Quy hoạch chi tiết hệ thống thủy lợi và giao thông nội đồng:*

+ Quy hoạch hệ thống thủy lợi: Xác định hệ thống kênh tưới tiêu cấp 1, 2, 3; phần hiện có, phần nâng cấp, phần bổ sung mới (vị trí), xác định mặt cắt của các mương, nâng cấp và xây mới (vị trí); công suất trạm bơm. Diện tích được phục vụ tưới, tiêu.

+ Quy hoạch giao thông nội đồng: xác định các trục chính (bờ vùng) và hệ thống bờ thửa nối với bờ vùng: Bờ vùng là trục có bề mặt khoảng 3,5m để xe cơ giới đi được cách 100m có điểm tránh xe rộng 5m, dài 10m. Bờ vùng cách nhau 500-800m. Bờ thửa rộng 1,5-2m để xe tải nhỏ đi được dễ dàng, bờ thửa cách nhau khoảng 100m.

- *Điều chỉnh quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp:*

Trong quá trình tổ chức thực hiện theo các quy hoạch đang có, khi xuất hiện các yêu cầu mới, chưa

có trong dự báo và các phương án quy hoạch đã có, và sau mỗi giai đoạn 5 năm, cần thực hiện việc rà soát và điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với yêu cầu, tình hình mới.

*- Sản phẩm quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp:*

Sản phẩm quy hoạch được tổng hợp trong bộ hồ sơ quy hoạch, được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt bao gồm:

- + Báo cáo quy hoạch;
- + Các bản đồ minh họa.

Báo cáo quy hoạch thể hiện đánh giá hiện trạng, tiềm năng; định hướng phát triển; phương án quy hoạch phát triển và giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch.

Các bản đồ minh họa chủ yếu: Bản đồ thổ nhưỡng, bản đồ hiện trạng và quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, bản đồ hiện trạng và quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất tỷ lệ từ 1/5.000 - 1/25.000.

*- Thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển sản xuất nông nghiệp:*

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện hoặc đơn vị có chức năng tương đương chịu trách nhiệm thẩm định các nhiệm vụ và phương án quy hoạch sản xuất nông nghiệp. Ủy ban nhân dân huyện là cơ quan phê duyệt quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp.



## V. QUẢN LÝ QUY HOẠCH NÔNG THÔN

1. Công bố quy hoạch.

2. Cấp phép xây dựng.

3. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm: Áp dụng cho tất cả các công trình xây dựng trên địa bàn: Ủy ban nhân dân xã thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát trực tiếp hoạt động của các tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng trên địa bàn.

## VI. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ CÁC LỰA CHỌN ƯU TIÊN KHI THỰC HIỆN XÂY DỰNG THEO QUY HOẠCH

- Tổng hợp kinh phí đầu tư trên cơ sở các khái toán và phân kỳ đầu tư theo các thứ tự ưu tiên.

- Nguồn kinh phí đầu tư cho các giai đoạn (ngân sách, đổi đất, xã hội hóa, công lao động, các nguồn tài trợ...).

- Xác định danh mục các dự án, chương trình ưu tiên đầu tư cho các giai đoạn (giao thông, xây dựng...).

- Các biện pháp tổ chức thực hiện khác.

## VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

- Đánh giá về tổng quan mặt được và chưa được, các vấn đề về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Nêu các vướng mắc chính chưa thể giải quyết trong khuôn khổ của đồ án quy hoạch.

- Đề xuất giải pháp thực hiện quy hoạch.

## **2. Kiến nghị**

- Cơ chế, chính sách nhằm thực hiện thành công quy hoạch.

- Đào tạo cán bộ chuyên trách trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Nguồn vốn cần nêu rõ, cụ thể các nguồn huy động vốn (từ ngân sách huyện, tỉnh, ngân sách xã hay huy động từ cộng đồng, xã hội, nhà tài trợ...).

## **BAN QUẢN LÝ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ...**

## **II. MỘT SỐ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN TRIỂN Khai CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

### **1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

1. Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

2. Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13-4-2011 hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số

800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

3. Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16-4-2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

4. Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20-2-2013 của Thủ tướng Chính phủ về Sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

5. Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 4-10-2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

6. Quyết định số 498/2013/QĐ-TTg ngày 21-3-2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

7. Quyết định số 695/2012/QĐ-TTg ngày 8-6-2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

8. Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19-12-2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

9. Quyết định số 1329/QĐ-BKHĐT ngày 15-10-2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi

đưa “Ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê chung sức xây dựng nông thôn mới”.

10. Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 9-4-2015 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành kế hoạch thực hiện Kết luận số 97-KL/TW ngày 15-5-2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

## **2. Các chương trình hỗ trợ có mục tiêu**

1. Quyết định số 293/2008/QĐ-TTg ngày 5-2-2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27-12-2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo.

2. Quyết định số 1064/QĐ-TTg ngày 8-7-2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng trung du và miền núi phía Bắc đến năm 2020.

3. Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12-12-2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở.

4. Quyết định số 67/2010/QĐ-TTg ngày 29-10-2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg

ngày 12-12-2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở.

5. Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20-5-2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

6. Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20-7-2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn.

7. Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg ngày 31-12-2007 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20-7-2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn.

8. Quyết định số 2261/2014/QĐ-TTg ngày 15-12-2014 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020.

### **3. Các quy định về nguồn vốn sự nghiệp**

1. Quyết định số 1258/QĐ-BNN-KHCN ngày 4-6-2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Phê duyệt Chương trình khuyến nông Trung ương trọng điểm giai đoạn 2013-2020.

#### **4. Các quy định về lồng ghép, nguyên tắc lồng ghép các nguồn vốn**

1. Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 4-11-2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Công văn số 8576/BKHĐT-KTNN ngày 25-10-2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc gợi ý, hướng dẫn nguồn vốn ngân sách Trung ương lồng ghép cho Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

# MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
Phần I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	7
<b>I. Những vấn đề cơ bản về xây dựng nông thôn mới</b>	7
1. Khái niệm nông thôn	7
2. Về xây dựng nông thôn mới	7
3. Lý do phải tiến hành xây dựng nông thôn mới	8
4. Đặc trưng của nông thôn mới giai đoạn 2010- 2020	10
5. Mục tiêu của xây dựng nông thôn mới	10
6. Nguyên tắc của xây dựng nông thôn mới	11
<b>II. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động về xây dựng nông thôn mới</b>	12
1. Sự cần thiết phải tuyên truyền, vận động	12
2. Những nội dung cần phổ biến, tìm hiểu về xây dựng nông thôn mới	13
3. Vai trò của các đoàn thể trong xây dựng nông thôn mới	14
4. Phương pháp phổ biến, tuyên truyền	15
Phần II: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	17
<b>I. Nội dung cơ bản của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới</b>	17

1. Mục tiêu và nội dung cơ bản về xây dựng nông thôn mới	18
2. Mục tiêu và nội dung chi tiết về xây dựng nông thôn mới	20
<b>II. Tiêu chí và tiêu chuẩn nông thôn mới</b>	31
1. Các tiêu chí về xây dựng “xã nông thôn mới”	31
2. Các tiêu chí cần ưu tiên thực hiện trước trong xây dựng nông thôn mới	36
3. Những việc cần thực hiện trong xây dựng nông thôn mới	37
4. Trình tự các bước trong xây dựng nông thôn mới	38
<b>III. Một số cơ chế, chính sách về đầu tư xây dựng nông thôn mới</b>	38
1. Cơ chế quản lý các nguồn vốn trong xây dựng nông thôn mới	38
2. Cơ chế đầu tư	48
3. Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, tổ chức thi công, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình quy mô vốn đầu tư dưới 3 tỷ đồng	51
4. Cơ chế đặc thù về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn xã	55
5. Các chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	66
6. Cách thức thực hiện	78
Phần III: CÁC QUY ĐỊNH VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG TRONG PHONG TRÀO CHUNG SỨC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	83
- <b>Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”</b> (Ban hành kèm theo Quyết định số 1620/QĐ-TTg ngày 20- 9-2011 của Thủ tướng Chính phủ)	83
- <b>Phong trào thi đua ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê chung sức xây dựng nông thôn mới</b> (Quyết định số 1329/QĐ-BKHĐT ngày 19-10-2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	98



Phần IV: MỘT SỐ MẪU VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	111
<b>I. Một số mẫu triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới</b>	111
1. Mẫu dự toán đầu tư công trình	111
2. Mẫu báo cáo kết quả thẩm định dự toán đầu tư công trình	114
3. Mẫu đề án xây dựng nông thôn mới	117
4. Mẫu đồ án quy hoạch nông thôn mới	133
<b>II. Một số văn bản hướng dẫn triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới</b>	152
1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	152
2. Các chương trình hỗ trợ có mục tiêu	154
3. Các quy định về nguồn vốn sự nghiệp	155
4. Các quy định về lồng ghép, nguyên tắc lồng ghép các nguồn vốn	156

Chịu trách nhiệm xuất bản  
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT  
TS. HOÀNG PHONG HÀ  
Chịu trách nhiệm nội dung  
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ  
ThS. ĐỖ VĂN CHIẾN

Biên tập nội dung: NGUYỄN VŨ THANH HẢO  
ThS. HỒ CHÍ HUỲNH  
Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG  
Chế bản vi tính: LÊ MINH ĐỨC  
Sửa bản in: NGUYỄN THỊ LƯƠNG  
Đọc sách mẫu: HỒ CHÍ HUỲNH



**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT**; Số 6/96 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

## TÌM ĐỌC

PGS.TS. Trương Thị Hiền  
GVCC.ThS. Lý Thị Như Hoà

- KỸ NĂNG QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH TẠI ẤP - THÔN - TỔ DÂN PHỐ

ThS. Lê Văn Hòa - ThS. Nguyễn Đức Thắng

- HỎI VÀ ĐÁP VỀ CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Phạm Thị Hảo (Biên soạn)

- PHÁT TRIỂN VĂN HÓA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI



8935211179196



9 786045 721513

SÁCH KHÔNG BÀN